

TRUNG BAC CHU NHAT

DEPT. LEGAL
INDOCHINE
No 1/4362



Đoàn Văn Ninh

NGUYỄN ĐOÀN - VƯƠNG
CHỦ - TRƯỞNG

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ LỄ TẾ NAM GIAO
Non nước mơ màng nín dấu cũ
Khí thiêng Hương Ngự phải là đây ?

Số 104 Giá: 0\$20
29 MARS 1942

Nhân cuộc tế giao năm nay

Mấy hôm nay, nhân có việc tế Giao ở Kinh đô, rong dân chúng có nhiều nơi nổi lên một cuộc bàn luận xét cũng có nhiều thứ vị. Ấy là cuộc bàn luận về ý nghĩa tế Giao. Người ta chia làm hai phái. Phái thứ nhất, hầu hết là thanh-niên có óc khoa-học, chủ trương rằng tế Giao là cổ tục của một thời đại chuộng hư-văn và thần quyền còn sót lại, không có bổ ích cho ai cả. Hạng này là hạng tuyệt đối.

Hạng thứ hai, hạng hoài nghi, thì lại rằng: Giao của ta là theo của Tàu. Tàu là một nước huyền-bí mà lại như cơ-siêu, ta không hiểu. Đã không hiểu được hết cả tinh-thần văn-hóa của Tàu thì làm thế nào hiểu được việc tế trời có bổ ích gì không? Ấu là ta chỉ nên biết rằng: Tế Giao là tế trời, vua thay quyền trời, thì để việc ấy tùy vua, ta không thể biết mà cũng không cần biết. Chỉ biết rằng dân ta tế thần thế nào thì vua cũng tế trời như vậy.

Hai phái trên đây bàn luận, xét cho kỹ thì phái nào cũng có cái phải, nhưng không phải nào tin tưởng là có Trời. Đó thực là một cái hại. Mà truy nguyên ra thì cái hại này khởi từ cái óc quá thiên về khoa-học mà ra vậy. Chúng tôi không dám không nhận rằng khoa-học ngày nay càng quyền bá-chủ trong doanh-hoàn. Nhưng ta phải biết rằng nói đến trời là ta bước vào miêng đất tôn-giáo, không thể khảo sát chỉ nên nhìn nhận mà thôi. Cái khổ của nhà văn-sĩ Nga Dostoevsky một phần lớn là do óc hoài nghi: « Có trời hay không có trời? » lúc nào cũng ám ảnh người Tolstoi, đứng nghiêng về mặt tôn-giáo hơn. nhìn nhận là có trời nên tinh-thần có vẻ được thư-thải hơn. Dostoevsky nhiều lần Tolstoi đứng về miêng đất tôn-giáo vậy. Ta không lấy thế làm lạ bởi vì lúc trở về già bao nhiêu tác-phẩm của Tolstoi thiên về luân-lý và đạo-giáo hơn là về nghệ-thuật.

Bởi vậy, có tìm cách xem có trời hay không là một việc không bao giờ có thể làm được: mà chỉ đến tận thời đời mà thôi. Nói đến trời là nói đến tôn-giáo, ta chỉ nên tin là có mà không nên ngờ gì hết.

Ở đời bất luận người nào cũng cần phải tin

MÂY Ý NGHĨ VỀ TRỜI

như thế. Người dân bà ở trong gia-dinh không biết sợ phạt sợ trời không còn là một người dân bà nữa, sao mà còn điều-kiện được một gia-dinh. Nói rộng ra một nước, nếu người dân không biết sợ một cái quyền gì thì nước không thể có trật tự được. Luật-pháp là do người đặt ra không hẳn đã có quyền vạn năng. Người dân cần phải biết ơn và sợ một cái quyền to hơn thế: sự việc thờ trời, tế trời và tin là có trời chính là do sự biết ơn và sợ phép đến cực điểm mà ra vậy.

Tại sao lại biết ơn? Người ta không phải do một cái báp cái sinh ra nhưng là do huyết thống của cha mẹ chung đúc nên. Vậy có mình, mình phải nghĩ đến ai đã sinh ra mình, ai đã sinh ra người sinh ra mình... Cứ trở ngược lại thời gian như thế, ta sẽ thấy rằng ông thủy tổ ta do một vị ra đời trước hết cả tạo nên. Vị ấy có thể triệu triệu năm nay, một tay gây dựng ra thế-giới, vị ấy mới thật là có quyền vạn năng vậy. Vị ấy là Trời. Mỗi nước bây giờ đều có tên riêng để gọi Ngài, nhưng nhất là chữ nào tên nào cũng có nghĩa như nhau. Ngài sinh ra loài người, sinh ra tổ tông ta để cho tổ tông ta tạo ra ta ngày nay, ta biết ơn Trời là thế. Có thể nói rằng những người càng yêu gia-dinh và yêu nước bao nhiêu thì lại càng kính mến và biết ơn Trời bấy nhiêu.

Tại sao lại sợ phép? Lý này cũng do ở lẽ trên mà ra. Người ta kính nên ai tôn trọng ai thì tất nhiên phải sợ phép người ấy. Và lại, có người mà nghĩ thì người ta sống ở dưới trời trên đất này có bao nhiêu là điều huyền-bí ở chung quanh. Một tia chớp, một làn sáng, di chỉ đến cái sống cái chết, cái buồn cái vui, cái cần cái mất đều là thuộc tay trời cả, thì sao mà ta không thấy nể ra một lòng sợ được?

Sợ như thế thật là chỉ h. đáng.

Một nước mà dân chúng biết ơn và sợ Trời như thế thì nước mới có thể tồn tại được.

Bở lẽ nước tồn tại được là do ở dân mà dân biết ơn trời và sợ phép trời thì bao nhiêu tâm tình trời phú cho mới giữ được Sách Trung Dung có chép: « Biết giữ theo tâm tình trời cho, ấy tức là đạo-đức ».

Lập một nước cũng như xây một nhà. Nhà cần nền móng thì nước cần đạo đức. Đứơc không từ khi xưa gặp Cảnh-công nước Tề. Cảnh-công hỏi: « làm thế nào mà trị nước? » Không - tế - đáp: « Trong nước lúa gạo là cần mà thực không cần lắm. Đạo đức: cần hơn vì nếu trong nước vua không ra vua, tôi không ra tôi cha không ra cha, con không ra con, không còn trật tự nữa, sinh ra loạn lạc thì hỏi có ai ngăn cản mà ăn được không? »

Xem vậy, đạo đức là cần cho một nước. Cái gì gây ra đạo đức? Đó là do lòng tin vào trời mà người dân biết gì & theo tâm tình trời phú cho.

Nói rộng ra một nước thì lúc nước mạnh người dân sấm ơn trời, lúc nước yếu thì người dân kêu van trời; nó hệ ở một người, thì lúc người ta sùng người già biết ơn trời, lúc người ta khờ người ta than trời; nhất nhất, buồn vui sướng khổ, người ta đều muốn tổ cáo về trời vì sợ phép trời.

Ta vẫn thường kêu lúc lúc.

Nhờ giới thì khỏe!

hay than:

— Trời ơi!

khí ta khổ đến nỗi được lòng. Nhưng xét như thế thực không đủ. Nh. ừ khi ta thấy cần phải sợ một vị trời nữa. Tiếc thay trời lại không thể trực tiếp với dân, bởi thế phải dùng một người làm trung gian: người ấy là vua vậy. « Trời thương muôn dân, đặt ra có vua, có thầy » là thế!

Bởi vậy ở các nước quân chủ mà vua có quyền, có nhân thì dân biết ơn vua và sợ vua như trời. Lịch sử ta thường chép hàng trăm ngàn chuyện như thế: vua có ai áo ra đáp cho người nghèo. vua mở kho để bố thí cho dân... Đến tận bây giờ ở những nước quân-chủ như nước Nhật chẳng hạn, vua vẫn có oai quyền như

KỶ SAU:

Bắt đầu đăng
thiên cáo-luận

ÁI TÌNH MỘT MẶT

của VŨ XUÂN - TỰ

trả lời

LÊ - VĂN - TRƯƠNG

và có

Nhiều chuyện... khi

Nhiều quân lính Trưng-khánh vừa đây bị khi đánh giết ở gần biên-giới Diên-diên và Ấn-độ

có cả sáu mà không sợ chết, ta nên hiểu rằng họ không phải vâng theo mệnh lệnh của người nào cả nhưng là vâng theo mệnh lệnh trời, do Thiên hoàng đứng làm đại b. ầu ban ra.

Ý nghĩa của tế giao là ở đó.

Vua tế trời không phải là tế cho mình đâu, nhưng là tế cho dân, chuyển đạt lời của dân lên với trời. Thước mặt trời, vua tức là dân đó. Trời theo ý của dân mà quyết định.

Vì lẽ đó tây-ngạn có câu:

« Vox populi, Vox Dei »: Dân thanh tức là thiên ý.

Xem vậy thì biết cái quyền của dân vô cùng, vua mà thương dân là theo đúng lẽ trời, còn bỏ mặc dân tức là đã phụ cái quyền trời đã trao cho vậy.

Trên kia ta đã nói bất cứ người nào cũng phải sợ trời. Ta nên nói rõ thêm: hơn hết cả mọi người, vua lại càng phải sợ trời lắm lắm.

Không sợ trời mà biết thương dân và được dân yêu, xét trong lịch sử mấy ngàn năm, ta chưa thấy một vị vua nào như thế.

VŨ XUÂN

Muốn được chóng giàu mua vé xổ số Đông-Pháp

TẾ NAM GIAO

ý-nghĩa và...

NGHI-THỨC



Photo Tăng-Vinh
Hàng trăm tinh-kỳ dẫn đầu đạo Ngự tới Giao-Đàn

cử-hành ở đó nên gọi là lễ Giao. Và gọi là lễ Nam-giao là để phân-biệt với lễ Bắc-giao là lễ tế Đất.

Từ triều Lê trở xuống, Không-giao được Triều-đình nước ta độc-tôn thành quốc-giao.

Trong Không-giao, có một đặc-diểm quan-trọng vào bậc nhất về phương diện chánh-trị và luân-lý là lễ thiên nhân cảm ứng, nghĩa là lễ người hiền được ý Trời. Theo Không-giao, mọi hiện-tượng trong vũ-trụ như nhật, nguyệt, tinh, vân, thời, tiết, khí-hậu, cùng những hiện-tượng trong xã-hội quốc-gia như tật dịch, thủy, hỏa, thịnh, suy, trị loạn, đều lại hết thảy mọi vật mọi việc trong vòng trời đất đều do một lý hồn-nhiên chi-phối. Người ta vì tư-bẩm khác nhau, hàm-duỡng khác nhau, nên không phải ai cũng có cái tính-chất hợp với lễ trời một cách hoàn-toàn; không phải ai cũng biết ăn ở được đúng lễ trời và không phải ai cũng hiền được ý trời.

Duy bậc thánh-nhân và bậc quân tử, là có tính chất gần với lễ trời. Cái chỗ phân-biệt giữa thánh-nhân, quân-tử và tiểu-nhân, là một đẳng thì đẹp được nhân-dục, thú-tính để ăn ở theo lễ Trời, một đẳng

Đứng-chi lễ Trời gọi là lễ Giao, hạ-chi lễ Đất gọi là lễ Xã.

Như vậy, Giao là khu đất ngoài kinh-thành. Lễ tế Trời

Sau ba năm, năm nay tại kinh-thành Huế lại có lễ Nam-giao. Lễ sẽ cử-hành từ ngày 29 Mars đến 5 Avril 1912 tức là từ ngày 13 đến 20 tháng hai ta. Lễ tế này là lễ tế trong-thần nhất trong Triều-đình và trong nước, trước kia mỗi năm cử-hành một lần, ít lâu nay cứ ba năm mới một lần cử-hành đại-lễ. Là quốc-dân, chúng ta cần phải hiểu rõ ý-nghĩa và nghi-thức cuộc lễ trọng-đại đó nó gó-giêm cả tinh-thần tôn-giao lẫn chánh-trị của một dân-tộc.

Vậy trước khi vô Huế hay ra Huế xem lễ Nam - Giao, chúng ta hãy tìm hiểu lễ đó ra thế nào.

thì để mất lễ Trời mà theo nhân-dục, thú-tính.

Thánh-nhân được Trời ủy cho thiên-chức thống-trị nhân-dân, tức là Thiên-tử. Quân-tử giúp vua cai trị dân, tức là quan-lại các ngạch ngoài quận và trong Triều. Theo học thuyết Không-Tử đã nói ở trên, thì quan là người chịu mệnh của Vua; Vua là người chịu mệnh của Trời.

Vì vậy, chỉ vua quan là có quyền tế Trời; nhân dân trong nước thì chỉ được cúng lễ tổ-tiên và quỷ thần.

Theo tục cổ nước Tàu, phàm lễ tế gì trọng đại, đều phải lập Đàn, tức là đắp đất cao lên, để lấy chỗ hành lễ, nên nhà vua sai đắp đàn tế Trời gọi là Giao Đàn. Đàn lập ở một khu đất ngoài kinh-thành, về phía Nam, đắp theo hình tròn (tượng hình trái đất). Mỗi năm nhà vua ngự ra đó để làm lễ tế Trời, là chủ-tể vạn vật.

Ở nước ta, đàn Nam - Giao chiếm một khoảng rộng đến mười mẫu tây, bề dài 400 thước, bề ngang 255 thước. Bón phía thành đá chạy xung quanh đàn có bốn cái cổng.



Photo Tăng-Vinh
Hàng-Thượng ngự trên ngọc-liễn tới Giao-Đàn



Photo Tăng-Vinh
Hàng trăm tàn lọng sen giữa Đạo-Ngự làm rợp cả ánh nắng trên đường đi

Gọi là cổng nhưng chỉ là những trụ xây cao độ 5 thước tây cách nhau độ ba thước. Trước bốn cổng đó có xây bốn bức tường dài độ mười thước, cao 5 thước.

Bước vào trong cổng những cây thông cao vút cành lá xanh tươi xếp hàng đôi thành một con đường vòng quanh đàn rất đẹp. Người ta bảo những cây thông đó là do đức Gia-Long sắc trồng từ năm 1805. Rồi đến năm 1824, trước lễ Nam - Giao một ngày, đức Minh-Mệnh tự tay trồng mười

cây thông tại Trai - Cung và truyền cho các Hoàng - thân cùng các đại-thần mỗi người trồng một cây. Trên mỗi thân cây, vị đại thần hay hoàng-thần nào đã trồng đều đeo một tấm biển ghi khắc tên và phẩm tước của mình. Về sau đức Thiệu Trị cũng trồng thêm mười một cây.

Đàn Nam-Giao có ba tầng.

Tầng dưới cùng hình tròn, đường kính 41 thước tây, gọi là Viên-dân, có lan can sơn màu xanh và rập trăn-thiết màu xanh (Thanh ốc).

Trên tầng này có bảy mươi cái án. Một bên có năm án thờ: Trời, Đức Cao-Hoàng Gia Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị. Bên kia là năm án thờ Đất, Đức Tự-Đức, Đồng - Khánh, Kiến - Phước, Khải - Định. Những thần-bài ở tầng này đều viết chữ màu đỏ ở gần hàng lan-can, mười hai ngọn đèn biếu-hiện nhĩ thấp bát tú, tỏa một thứ ánh sáng lơ mơ trong đêm tối.

Tầng thứ nhì hình vuông (Phượng đàn) mỗi bề dài 45 thước tây, lan can và nhà rập

Đền sơn màu vàng. Ở tầng này có bày tám hương-án;

Năm hương - án sơn màu
xanh để thờ Thiên - Thần :
Mặt Trời, các vị Sao, Mây,
Mưa, Gió, Sấm, Năm Tháng,
Mặt Trăng.

Ba hương án sơn màu vàng
đề thờ Địa-Thần như thần coi
các lăng, đồi, đồng bằng, núi,
bè, sông, đầm.

Từ trên cùng hình vuông
mỗi bề 160 thước tây, lan-can
son màu đỏ. Bốn góc đặt là
bốn cây đuốc to cao đến 6
thước tây, trong đêm tối đốt
lên sáng rực như một mặt
cháy. Trên từng này có một
chỗ trống như một cái giếng
nhưng chỉ nông độ 1 thước
tây, có bờ xây cao lên độ 80
phân. Đây là lỗ để thiêu con
nghe trong khi làm lễ. Gần một
chỗ ấy là chỗ chôn một ít lông



ĐO CỒN-MIỀN (mặt trước)
Hoàng-Thượng bộn khi hành lễ Nam-Giao

Hùng Cửu HS Petru
và huyết con ghé bị thiên gọi
là Ế-mao-huyết. Bộ Lễ có
dựng ở tầng này một cái nhà
đề Hoàng-Thượng nghỉ chân
sau khi ở Trai-cung sang.

Ngày xưa, trước ba ngày
chính lễ, các quan trong bộ
Lễ lên đàn Nam-giao hành
lễ. Hôm ấy có làm một con
dê, một con bò, một con lợn
và một con thú rừng như
hươu nai.

Hôm chính lễ làm 19 con trâu (11 con nghé và 8 con trâu đực lớn) sáu con lợn, sáu con dê. Sáu con trâu đực, sáu con lợn và sáu con dê bày ở các án thờ Sao, Mây, Mưa, Gió, Sấm, Tháng Năm, Lũng, Núi, Bề, Sông, Đầm.

Trên án thờ mặt Giăng và mặt Gôi chỉ bày mỗi án có một con trâu đực không có lợn và dê.



Mã Bình-Thiên Hoàng-Thượng đội
(Mặt trước, mặt sau đều có 12 tua
ngọc rủ xuống).

Mười con nghề thì bày ở các án trên Viên-dàn. Con nghề thứ mười một đem thui ở « Phần-sai » để lấy một ít lông và huyết đem chôn ở É-mao-huyết, trên từng thứ ba của dàn Nam-Giao, như trên đã nói.

Ba ngày trước ngày lễ
chính, họ Lê đưa thi vệp dâng
lên Hoàng - Thượng một ông
tượng nhỏ bằng đồng, hai tay
chắp vào ngực cầm một cái
bài khác hai chữ « Trại giới »
bằng chữ nho. Tục truyền
ngày xưa ở bên Tàu người ta
thiết một cái tượng rồng bằng
đồng nổi lên trên mặt
bề. Nước hiền chảy vào trong
pho tượng, ở đằng miệng và
mũi, những tia nước trong
xanh pha ra. Từ đây người
ta lấy pho tượng ấy làm biểu-
hiệu sự thanh-tĩnh, trong
sạch...

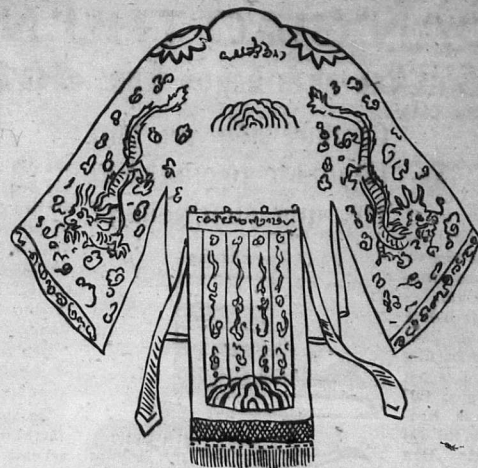
Cuộc rước tượng, nghi-
trường rất long-trọng, văn
võ quan-viên đều bận quần
áo đại trà; đức Vua thì
ngự trên ngọc-liễn do quân
phụ-giá phụng nghênh, tàn

quạt rợp giời,
cờ-sí san-sát.

Giờ tý (nửa đêm) ngày đại-lễ, bộ Lễ y-thức chuẩn-bị lễ-vật ở Tế-đàn.

Đến canh
năm, Hoàng-
đế đội mũ
miện, bận áo
long- cốn,
nghĩa là bận
đại triều
phục, tay cầm
hốt trấn-
khê, lên
kiệu ngự từ
Trai-cung
sang Tế-đàn
hành lễ.

Lễ thức đại-
khải cũng tương tự như lễ-
thức tế Thành hoàng tại
các đình, song long-trọng
và oai nghiêm thập bội.



ÁO CỒN-MIỀN (mặt sau)

Có một điều khác hẳn, là hôm rằm trong khi hành lễ phải lấy hôm sáng một con trâu cúng đem đốt mừng. tại một chỗ trên Tế-dàn, gọi

là «Phân-sai»
Khí trâu cháy
gần hết, thì
các quan tán-
lễ xướng « Lễ
tất », Hoàng-
đế liền ngự
lên kiệu trở
về Hoàng-
cung.

Cuộc rước
ngự-giá hoàn
cung cũng g
long - trọng
uy-nghi như
cuộc rước
ngự - giá tới
Tế-đàn hôm
trước, khác
một điều là

cuộc rước
yên tĩnh, mà
có tiếng nhạc

LÊ-HÙNG-PHONG

SAIGON — SAIGON — SAIGON — SAIGON — SAIGON — SAIGON

Nhà sách « NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM »

12, Phố Sabourain

Tổng phát-hành nhiều Báo-Chí-Sách

Trung, Nam, Bắc. Ban đủ giấy, bút, vở,
và đồ văn-phòng.

Quán sách « **AUTOBUS** »

193 bis Rue d'Espagne (góc đến xe hơi)

(chi nhánh nhà sách N.K.D.)

**Bán đủ các báo hàng ngày và Báo Sách
Trung, Nam, Bắc. Đồ dùng cho học sinh.**

— Nhà sách « NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM » có người đưa Báo Sách đến tận nơi quý ngài ở, đến tận sở quý ngài làm. Quý ngài khỏi mất công đi mua. Tiền cuối tháng quý ngài mới phải trả.

— Nhà sách «NGUYỄN-KHANH-ĐÀM» nhận kiểm hộ mua hộ quý ngài những sách hiếm mà không đầu có.

— Nhà sách « NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM » nhận mua hộ quý ngài những loại sách in đẹp mà nhà xuất bản không bao giờ in nhiều đề bán.

— Mua Sách Báo tháng ở nhà sách « NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM » quý ngài sẽ khỏi bức mình và khỏi lo thiếu không giữ được trọn bộ.

— Mua Sách Báo tháng ở nhà sách « NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM » quý ngài sẽ có một điều lợi. Điều lợi này mời quý ngài đến mua sẽ rõ.

Áo dân bằng chỉ nhiều kiểu nhà và đẹp — Quần áo con nít may bằng hàng mỏng, hợp với xứ nóng. Bán lẻ và bán sỉ

CÁI ĐÀN GIAO THỦ' NHẤT ở nước ta đã lập tự' đời nào

Có thực nên vua lâm
lỗi thì khi tế giao sẽ bị
trời quở phạt không?

Tế giao là tế giới, gồm cả tế đất ở trong. Ý nghĩa tế giao thế nào, trong số báo này đã có bài nói rõ, đây tôi chỉ xé lẻ tế giao bắt đầu truyền vào nước ta từ bao giờ mà thôi.

Như các bạn đã biết tế giao gốc ở nước Tàu, nhưng các kinh điển cũng không đâu nói rõ là bắt đầu có từ bao giờ. Chỉ biết từ đời vua Ngũ Thuấn trở về sau thì đời nào cũng có tế giao. Đến nhà Tần thì bỏ hẳn. Người ta cho vì thế nên nhà Tần chỉ truyền được hai đời đã mất, vì không được lòng dân, tức là không được lòng giới.

Đến đời Hán, vua Cao-tổ cũng theo nhà Tần không tế giao, mãi đến đời Bình-đế mới lập dân tế giới, và giới đất tế chung làm một từng từ đấy.

Nhà Hậu-Hán, vua Quang-vũ đắp giao-dân ở Lạc-dương để tế giới và tôn vua Cao-đế lên phối hưởng. Theo đó các đời sau đều bắt chước khi tế lại kèm cả tế tổ nữa.

Đời Đường, dù ngang ngược như Võ Tắc-thiên cũng phải trọng lễ tế giao, và lại chia tế đất làm một lễ riêng. Đến vua Huyền-lôn tức Minh-hoàng lại hợp làm một.

Kịp đến đời Tống, lễ tế giao lại càng phiền phức, nhiều lần đã trở nên một



vấn-đề tranh luận của các ông Tống nho: bọn thì bàn giới đất nên hợp-tế, bọn thì bàn giới đất nên tế riêng. Nhưng việc đời bao giờ cũng cần lấy tiện lợi, nên thuyết hợp-tế được nhà vua theo dùng.

Đến nhà Minh cũng giữ lễ hợp-tế. Chính vua Thái-tổ nhà Minh nói: «Vua coi giới như cha, đất như mẹ, tế cha mẹ mà chia làm hai thì lòng con sao đành?»

Đời sau nhà Mãn-thanh là giống ngoại vào làm chủ Trung-quốc, cũng theo lễ tế giao và theo đúng như nghi lễ nhà Minh.

Tới khi Mãn-thanh bị đổ, Dân-quốc lập lên, chế-độ quân-chủ không còn nữa, cái thuyết «chịu mệnh giới để trị dân» không còn thích hợp. Vậy mà Viên-thế-Khai khi được bầu làm Tổng-thống Dân-quốc cũng vẫn giữ lễ tế giao, duy có miễn dùng đội khi chủ-tế thì bỏ cả 12 tua, tổ ý Tông-thống khác với Thiên-tử. Nhưng việc bảo-tồn cổ lễ ấy, trái ngược với chế-độ hiện-hành, nên các báo Tàu đều nổi lên công-kích, buộc hẳn cho Viên cai tội làm lễ tế giao là ngấm có ý lợi muốn khôi phục chế-độ quân-chủ vậy.



Photo Tăng-Vinh
Hai thớt tượng trưng hoàng long lấy đi đầu
dẫn đường trong đám rước Đạo-Ngự tới Giao-dân

Lễ ấy truyền sang nước ta từ bao giờ?

Về đời thượng-cổ và Bắc thuộc không kể, đời Đinh, Lê đều sùng đạo Phật, không có tế giao, đến đời vua Anh-lôn nhà Lý là lúc học thuyết của thánh hiền đã thịnh hành, nhà vua mới đắp đàn tròn tế giao ở kinh-đô Thăng-long: nước ta có lễ tế giao từ đó. Các đời vua Lý định lễ cử ba năm làm lễ lớn, hai năm làm lễ trung, một năm làm lễ nhỏ.

Có điều lạ, đến đời Trần, văn trị cũng rực rỡ như võ công mà suốt một thời đại nhà Trần là 180 năm không năm nào nói đến có tế giao cả.

Qua đến đời Lê, vua Thái-tổ ban định thiên-bạ xong rồi, định ngay lệ hàng năm đầu mùa xuân làm lễ tế giao.

Đến đời vua Thánh-tôn lại sửa sang lại, lễ nghi rất hoàn bị, trọn đời nhà Lê suốt 300

năm đều theo đó tuân hành không năm nào thiếu. Thậm chí đời vua Thế-tôn, gặp phải họ Mạc cướp ngôi, vua phải chạy đến Vạn-lại, mà cũng còn đắp giao dân ngay ở đó để tế. Đã biết đời xưa coi trọng lễ ấy là chừng nào.

Đến đời hần-triều, vua Gia-long năm dần lên ngôi, đắp giao dân ở làng An-ninh. Năm thứ hai, sức cho bộ Lễ định lễ nghi tế giao, năm thứ năm đắp giao dân ở phía nam thành Phú-xuân (Huế) tức là dân Nam-giao bây giờ. Từ đó các đời vua sau đều theo lệ chế đã định mà tuân hành. Duy có đời Minh-mệnh đổi ngày lễ tế giao vào tháng ba. Nhưng từ đời Tự-đức về sau lại theo cổ chế làm vào tháng hai.

Lễ tế giao theo cổ chế hàng triệu vẫn định mỗi năm một lần. Từ năm Đồng-khánh thứ

ba, rút lại ba năm một lần. Lễ tế giao sắp cử hành ở Huế tự ngày 13 đến 20 tháng hai ta này là tuân hành sự sửa đổi ấy.

Câu chuyện Hồ-hán-Thương vua nhà Hồ tế giới bị giới quở phạt.

Suốt đời nhà Trần không tế giao, đến Hồ-quí-Ly cướp ngôi nhà Trần lên làm vua, nhiều việc lại làm theo cổ. Hán-Thương con giai Quí-Ly khi nối ngôi, gặp mùa xuân, sai thần dân đắp giao dân ở núi Đốn-sơn cử hành lễ tế giao rất long trọng. Hán-Thương muốn tỏ ý việc thay nhà Trần là chịu mệnh giới cho dân nước biết. Không ngờ, khi vào chủ-tế, giữa lúc dâng rượu, Hán-Thương bỗng thấy hai tay cứ run lên bần

bất, chén rượu đã cạn cả
xướng á, Hân-Thương dù
đang tỏ dở dang, cũng sai tiết
lẽ dĩ, không thể nữa. Đó tưởng
chỉ là một việc tự nhiên xảy
ra, hay một lẽ vị tâm lý. Hân-
Thương vốn cũng tự biết việc
cướp ngôi là thất dân tâm,
lòng riêng lúc nào cũng áy
náy, lúc ấy tự đặt mình trước
quyền "hiếu liêng vô hình và
lại đây về tôn nghiêm, chắc là
cảm động rồi sinh sợ hãi,
tưởng cũng không có gì là lạ,
nhưng nhà làm sử Ngô-ngô-
Phong (Thời-Sĩ) lại cho đó là
giới quốc phạt kẻ thoán-đạo
vậy.

Quan-niệm của người nay đối với lễ ấy.

Dù ngày nay là thời-đại
khoa-học xương-minh, việc
người do người định đoạt lấy,
không còn tin được ở giới,
nhưng nước ta còn ở dưới
chế-độ quân-chủ, cái thuyết
có giới như thuyết lễ giao
này còn thi hành thì đối với
dân chúng cũng vẫn còn có
ý nghĩa.

Vì theo thuyết cổ lòng giới
tức là lòng dân, giới trong là
dân ta trông, giới nghe là dân
ta nghe, nếu người trên biết
kính giới, sợ giới, tức là biết
yêu dân, thương dân, cũng
không phải là không hay vậy.
SỞ-BẢO

Cuộc trưng cầu ý kiến

Nhiều môn nữ trang mới
chế 1942, bông, vòng, chuỗi
pendentifs nhận ngọc thạch
thứ thiệt. Vòng nửa mặt
nhận hạt xoàn mới lòng
lánh như kim cương.

QUẬN CHÙA

21, Rue Amiral Courbet Saigon

10

Trung-Bac chu-nhat

(Edition hebdomadaire de T.B.T.V.)

TARIF D'ABONNEMENT

1 an 6 mois	2500 4500
Tonkin Annam et Laos	
Cochinchine, Franco et	9,00 4,50
Colonies françaises	
Singapour	10,00 5,00
Administration et Ser-	
vices publiques	15,00 8,00

Les abonnements partent du 1er
ou du 15 de chaque mois et sont
toujours payables d'avance

Les mandats doivent être établis au nom
de "TRUNG-BAC TAN-VAN" et adressés
au n° 36 Boulevard Haussmann à Paris

CÁC NGÀI HÃY DỪNG

Phấn-trì Đông-dương

(GRATITE INDOCHINOIS)
Mô "Hélène chi I", "Hélène
chi II", "Hélène chi III".

PHỐ LU - LAOKAY

Đã được công nhận
là tốt không kém gì
của ngoại quốc,
công việc cần thận,
Gửi nhanh chóng
khắp Đông-dương.

Sở giao dịch

E" TRINH - DINH - NH
123A, Avenue Paul Doumer
Haiphong - Ad. Tél. AN-
NHI - Haiphong Tél. 707
Cần đại lý khắp Đông-dương.

Dentifrice Microbicide

Thuốc đánh răng do bác
sĩ chế tạo đã được giải
thưởng và bằng khen và
gửi thi công nghệ Đông
pháp. Bán lẻ khắp nơi

Tổng phát hành

HÀNG ĐỆT PHÚC-LAI

87-89, Route de Hué Hanoi - Tél. 974

Sách Mới

KỀ SI TÌNH

Tiểu-thuyết của LÊ-VĂN-TRƯỜNG
Những ai chưa hiểu tình là lý,
yêu là giết, những ai đương
khóe thăm trong bóng tối, những
ai đã để hạnh phúc hay qua hay
không giữ nổi, đều cần phải đọc
KỀ SI TÌNH. Ở đây các bạn sẽ
thấy lòng mình phơi rộ trên
trang giấy. Giá Op75

NÀNG

Tiểu thuyết của LAN-KHAI
Ấy là một cuốn tiểu thuyết mà
tác giả đã viết trong bốn năm
rông. Nàng là sự mô tả một âm
hồn suốt đời noi theo một lý
tưởng chẳng thể thực hiện trong
trần thế, một lý tưởng quá cao
đẹp bầu thành một sự không
thể có nữa. Văn viết theo một
thể tài rất mới lạ và say sưa
lý kỳ. Giá Op 60

Hai cuốn đều do Hương - Sơn
97, hàng Bông Hanoi, xuất bản

LẬU, GIANG-MAI, HỘI XÒAI...

Đức-Thọ-Đương

131, Route de Hué - Hanoi

Thuộc Lậu Op90 một hộp, uống
một ngày, Giang-mai 1p00.

Nhà thuốc chế đở cả các thứ
thuộc Cai-nha-phiến, Bồ thận,
Điều kinh Khôi-hu, vân vân...
Nhận luyện thuốc Tể theo đơn
hoặc theo mạch.



GLYCERINA

LỄ SHIHOAI

ở nước Nhật

là lễ Nam-giao của nước ta ?

Từ trước đến nay, mỗi khi trong kinh vua có
lễ Lễ Nam-giao, người ta vẫn thường nhắc đến
tế Giao ở Tàu — và chỉ nhắc đến Tàu mà thôi.
Bởi vậy, nhiều người yên trí rằng trong tất cả
các dân-tộc Đại Á ngày nay chỉ có Tàu và ta là
còn tôn trọng thần quyền, hằng năm có lễ tế
trời lễ đất. Sự thật không phải thế. Vấn đề đất
tôn trọng thần quyền, nước Tàu hiện nay đã
bỏ hẳn tế giao rồi, bởi từ sau khi lập nên dân
quốc cách mệnh mười năm. Chúng tôi được xem
mặt bức tranh Lê-nguyên-Hồng đội mũ binh-
thiến, mặc áo thụng đứng tế Nam-giao, chứ từ
Lê-nguyên-Hồng trở lại đây đã ai còn tìm được
mặt chứng-cớ, một tài-liệu người Tàu còn tế
Nam-giao.

Đó là một sự tiến hay lùi trong lịch-sử văn-
minh của Tàu? Ta không thể nói quyết được
bởi việc tế lễ thờ cúng đối với văn-hóa hay văn-
minh của một nước chỉ có sự quan-hệ tương-
đối mà thôi. Dù sao, sự cải-cách của nước Tàu
hồi đó — mà trong đó có việc hủy bỏ tế giao —
cũng là một cử-chỉ có lẽ hơi hấp tấp. Xem ngay
việc này thì biết: đồng thời trong nước Tàu
nổi lên cuộc dân quốc cách mệnh, thì phong-
trào thờ mới của nước Tàu cũng dữ-dội và lan
trần trong dân chúng như sóng bể mưa nguồn
vậy. Các đền chùa trong nước nhất thiết đều
bị hủy bỏ, dĩ chí đến đền thờ đức Thánh-Quan
và đền thờ Nhạc-Phi cũng bị bọn Trương-Huân
đập phá cho tan nát. Có thể bảo rằng hồi đó
dân Tàu sống trong một cuồng mạt dữ-dội, vì
nông thôn văn-hóa mới quá mà hầu như mất
cả trí khôn đi. Đến như đức Khổng-Tử là
người có quan-hệ đến mấy ngàn năm văn-hóa
của Tàu và của hầu hết các dân-tộc Á-đông
mà đến thờ ngài và tượng ngài, bọn Trương-
Huân cũng định phá hủy nốt, nếu không có hội
Vạn-Quốc văn-hóa đứng ra can-thiệp. Cái cử-
chỉ đó thực quá là táo bạo và sỗ-nổi. Dù sao
giấc mơ cuồng bạo ấy cũng không thể cứ thế
mà kéo dài ra: dân-quốc cách-mệnh lập nên

được độ mười năm thì cái hồn nước cũ lại trở
về với người Tàu: họ lại lập lại đền chùa, họ
lại thờ Khổng-tử, và đức Thánh-Quan, duy chỉ
có Lễ Giao thì từ đó đến nay không thấy có ai
nói đến. Hoặc lễ Giao cũng được khôi-phục lại,
nhưng vì người ta cho là không quan-hệ nên
không nói đến chăng?

Dù sao thì Lễ Nam-Giao ở đất Tàu cũng mất
hết cả sự tôn-nghiêm rồi. Ở khắp Đại Á ngày
nay, lễ Nam-Giao còn giữ-trì, còn tôn-nghiêm
chỉ là ở hai nước mà sự tình-cớ của lịch-sử
hiện giờ đương đưa đến sống cạnh nhau: đó là
nước ta và nước Nhật.

Trong kỷ Nguyên-Đán, lễ quan-trọng nhất
nước Nhật, là lễ Shihohai: đó là lễ tế trời đất
đúng như lễ Nam-Ciao của ta. Nhưng lễ này
thiết lập ở chính giữa sân Hoàng-cung. Thiên-
Hoàng có đến dự. Lễ này còn giữ một địa-vị
quan-trọng nữa, bởi vì đó là lễ mở đầu cho các
lễ khác trong mùa xuân mới — Lễ Shihohai tức
là lễ khai mạc tân niên.

Lễ bốn phương Trời

Theo nguyên văn, thì lễ Shihohai nghĩa là lễ
tứ hướng, lễ bốn phương trời.

Bắt đầu từ hồi năm giờ rưỡi sáng ngày
nguyên Đán, một giờ rưỡi trước khi mặt trời
mọc. Thiên-Hoàng đi ra điện Ryokiden thuộc
hoàng cung, để thay mặc bộ lễ-phục trọng-thể
của một giáo long đạo Shinto. Bộ áo lễ ấy có
tên riêng gọi là Korozen.

Viên chủ-sự bộ Lễ đi trước, Thiên-Hoàng
theo sau, với một nội-thị bưng một thanh kiếm,
một trong ba bộ áo của Hoàng-gia.

Chỗ dân lễ, có quý hai bức bình phong lớn,
và trước chỗ nhà vua, một ngai, có đặt hai vạc
lửa thiêng, ánh lửa lập lòe trong khoảng tối tăm
sắp sửa chuyển thành bạch nhật.

Thiên-Hoàng đi theo con đường hành-lang, rồi xuống mấy bậc thềm, đến chỗ đàn lễ Shihohai. Các quan trong Triều đứng đón đợi nhất loạt cúi rạp xuống chào. Thiên-Hoàng vừa ngồi xuống ghế, thì một viên quan trong bộ Lễ đi ra khập hai bậc bình phong lại.

Nói đến những nghi-tiết của đại-lễ này, chúng tôi (lời ông G. Tanaka) mang một lòng thành kính cực điểm và tuy đại lễ đó cử hành rất kín, chúng tôi cũng có thuật sơ sơ ra sau đây:

Bắt đầu, thì đọc kinh dâng về phía đại linh-vị của Amaterasu Omikami, rồi dâng về phía đại linh-vị của Toyouke. Sau đến lễ bái các thần thánh hướng về bốn phương trời, lễ dâng tẩm của Hoàng-Đế Jimmu khai sáng ra bản-triều, một nghiệp-đề lâu dài từ cổ chí kim, và lễ dâng tẩm đức tiên-đế Taisho.

Điện Koreiden và điện Shinden

Lễ tất, rồi Thiên-hoàng trở về điện Koreiden và về điện Shinden trong hoàng cung để đọc kinh.

Xong đến cuộc lễ khánh-hạ ở đại điện có đủ một ngàn viên nội-các và những người trong hoàng-phái.

Các ngày lễ khác trong năm mới

Sau lễ chính Shihohai, đến ngày mừng ba tháng giêng là lễ Genshishai, một lễ Tết cũng khá quan-trọng; ngày mừng bốn là lễ Matsurigoto — Hajime, hay là lễ khai mạc cho các công việc hành-chính của nhà nước; ngày mừng tám là ngày duyệt binh lớn trong kỳ đầu năm.

Năm mới là căn nguyên mọi sự

Mọi việc đều lấy ngày nguyên-đán làm gốc. Cho nên dân chúng Nhật ai ai cũng rất thận-trọng trong công ăn việc làm buổi đầu năm.

Ngày Tết còn là một dịp cho người ta đi lễ các đền đài, đàn ông đàn bà nhón bé già trẻ lũ lượt đi cầu ở những nơi như thần-khám của Meiji, hay nơi danh thắng nào khác. Mười hai lễng đồng hồ vừa điểm giao-thừa, người ta thành kính mở cửa ra rước xuân vào, người ta cầu nguyện cho được bình yên trong năm mới, người ta tẩm tẩm niệm niệm một lòng làm tới trung của Thiên-Hoàng.

Lễ Shihohai chính là biểu-hiệu cho cả một dân-tộc văn-minh vẫn còn biết trọng thần-quyền vậy.

NGUYỄN-HƯƠNG-GIANG

ĐÃ CÓ BẢN

TỜ DI-CHỨC

Truyện trinh-thám rất bay của B.H.P.

Tác-giả truyện « GAN DẠ ĐÀN BÀ »

Giá: 0\$40

LOẠI TRUYỆN GIẢI TRÍ HÀN-THUYỀN

71, phố Tiên Tsin — Hanoi

Sắp về rất nhiều: 7 Couleurs sans Danger

«ICLAN»

(Mont Rouge)

Thuốc vẽ cho học-sinh dùng rất rẻ và tiện, thay cho bút-chì màu hiện rất đắt và khan.

Có 7 mẫu đẹp vô song.

Mua buôn xin viết thư dành trước tại Đại-lý độc quyền TAM-ANH — 96 Bd Bonnal Haiphong — 161. 706

NÊN HỚT THUỐC LA,

BASTOS

NGON THƠM

MỖI GỖI 0\$10

HUẾ

TRĂNG-LỆ VÀ HÙNG-VĨ

Bã tôi Đế-đô, cần biết rõ Đế-đô trăng lệ và hùng vĩ như thế nào, cùng nơi nào nên thường ngoạn nơ, nào nên cung chiêm, như thế thì cuộc du lãm mới thập phần hưng thú, và khỏi mất thì giờ về sự lựa chọn, tìm tòi, khỏi mang tiếng là một người khách lạ ở ngay nơi kinh-sơ của xứ sở. Được hân hạnh thăm Thần-kinh một đôi lần, chúng tôi không dám tự nhận làm người hướng-đạo cho ai, chỉ xin giới thiệu để bạn đọc thân yêu làm quen với Đế-kinh, trước khi tới tận nơi thường ngoạn.

Tại sao gọi là Huế

Sợ bị ám-hại như anh ruột là Lạng-quốc-Công, Nguyễn-Uông, ông Nguyễn Hoàng, sau khi hồi ý-kiến cụ Trang-Trinh Nguyễn-binh-Khiêm, n i với chị là bà Ngọc Bảo, xin với anh rể là Trịnh-Kiểm, bấy giờ nắm hết quyền quốc sự trong tay, cho vào trấn thủ phía Nam. Thế rồi năm Mậu-ngọ (1558), Trịnh-Kiểm tâu vua Lê-anh-Tôn cho ông Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa, tức là bên trong miền Thanh-Nguyệt.

Ban đầu, ông Nguyễn-Hoàng với chức Thái-úy Đoan-quận-Công đóng dinh ở làng Ái-Tử, thuộc huyện Thuận-Xương tỉnh Quảng-trị ngày nay gọi là Cát-dinh. Năm Bính-dần chưa sải là ông Nguyễn-phúc-Nguyên với chức Thái-Đạo Thủy-quân công đình chống nhau với họ Trịnh, bèn dời dinh vào làng Phúc-An, thuộc huyện Quảng-Điền tỉnh Thừa-thiên bây giờ, bỏ tên dinh gọi là phủ.

Năm bính tý (1636) chúa Thượng là ông Nguyễn phúc Lan lại dời phủ vào làng Kim - Long, thuộc huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa Thiên hiện giờ.

Năm đinh mão (1687) chúa Nghĩa là ông Nguyễn phúc Trán đem phủ về Phú-Xuân tức là kinh đô ngày nay.

Năm Giáp-ti (1744) chúa Vũ-Vương xưng Vương hiệu và dời phủ ra làm điện Phú-xuân.

Mãi đến năm mậu-tất (1802) sau khi đức thế-tổ nhà Nguyễn (vua Gia-Long giết được nhà Tây-

son, hợp cả bắc, nam về một mối, bấy giờ thành Phú xuân mới chính thức được lập làm kinh đô nước Nam. Ngài sai phá bỏ thành và điện cũ đã có lần thuộc quân Tây-son, lập thành-trị theo một quy-mô lớn rộng xứng đáng là kinh đô một nước lớn, và cung điện của một bậc sáng nghiệp đế vương: lấy điển Cáo-chánh để thiết thường-triều, điện Thái-hòa để thiết đại triều...

Thành từ đó trải bao thế-lạc ác tà, nay vẫn đứng vững, thì gan cũng tuột nguyệt. Đó là kinh-thành Huế ngày nay.

Sở dĩ có tên gọi ấy là vì nơi đó xưa là trấn Thuận-hóa, Chữ Hóa người ta gọi trại ra là Huế, và gọi Thuận-hóa là xứ Huế, như trong câu ca-dao này chẳng hạn:

Đường về xứ Huế quanh quanh

Nón xanh nước biếc như tranh họa đồ

Kinh-đô Phú xuân lập tại xứ Huế, nên lần đầu người ta quen gọi là kinh-đô Huế, mà quên bằng tên Phú-Xuân.

Địa-thế kinh-đô Huế

Huế chẳng giống kinh-đô các nước Âu-Mỹ hầu hết là một nơi căn-cứ địa-dư làm trung tâm điểm cho các đường giao-thông và việc thương mại kinh-tế trong xứ. Huế cũng c ảng giống thủ đô các xứ trong cõi Đông-pháp như Hanoi, Saigon, Nam-vang và Vạn-tượng, là những thành phố lập theo k ểu cách mới của Âu-Mỹ.

Huế vẫn giữ được tính cách Việt-Nam cổ-huyền dù ở hữu ngạn sông Hương có một dãy phố làm theo kiểu Thái-tây. Nếu chẳng là một nơi kinh đô thương-mại và kinh-tế hay quân sự trong nước thì Huế vẫn còn là một nơi thủ-phủ tinh-thần và chánh trị nước Việt-nam ta.

Dựa lưng vào dãy núi Hoàng-sơn hiểm tuấn, trông ra một giải sông rộng nước t ẻ trôi bình tĩnh trong xanh là sông Hương-giang uốn khúc dịu dàng quanh b ể kinh thành, hai bên có hai cái đảo tương hình Bạch-Đê, Thanh-long, châu vào, kinh thành Huế xây trên một kiểu đất mà các thầy địa lý chính tông bảo là kiểu đất đế-vương vạn đại. Theo con mắt người thường thì kinh đô Huế là một nơi sơn thủy hữu tình, và là

một nơi thiên hiểm rất tốt cho cuộc phòng-thủ ở thời đại trước.

Đó là chỉ nói riêng về thành trì. Ngày nay nói đến Huế là người ta nói cả mọi thứ tạo nên vẻ kiêu diễm về tráng lệ của đế-đô, như Hoàng-thành, cung-diện, lăng-tăm, sơn-thủy, thắng tích v.v... Dưới đây, chúng ta lần lượt nói về các nơi đó.

Kinh-thành, Hoàng-thành, Tử-cấm-thành và cung điện

Thành Huế khởi xây từ năm Gia Long từ n ền (1805) mãi đến năm 1822 là đời vua Minh-Mệnh, mới xong. Những thành-lâu, những cầu, những thành cửa thì sau năm đó, hoặc cải-tạo, hoặc trùng-tu. Trường thành do dài tới 9.950 thước tây.

Ngày nay, người ta thường vào kinh-thành do cửa Đông-Nam. Theo lối các Tòa, các Bộ đi vào, người ta trông thấy ở bên hữu có Viên Co-Mật, Viên bảo-tàng Kinh-tế, bên tả có Quốc-tử-Giam, Tân-thơ-viện, trong có viện tàng-cổ của Hội Đồ-Thành Hiếu Cổ (Société des Amis du Vieux Hué) tòa lớn lao oai-vệ hơn, điện Càn-Chánh thì trang-

ngoại khu các tòa, các bộ, trong

kinh-thành cũng có khu nhà ở và khu buôn-bán như các thành-phố khác. Phía ngoài thành có hào nước bao quanh như hầu hết các thành trì cổ ở phương Đông. Bên trong kinh-thành, lại có hai lần thành nữa: Hoàng-thành và Tử-cấm-thành.

Tử-cấm-thành là nơi vua ngự thì ở trong cung. Chung-quanh Hoàng-Thành phía ngoài đều có hào sâu, bốn phía có bốn cửa, lối kiến-trúc coi rất đồ sộ vĩ-dại, nhất là Cửa Nam gọi là Cửa Ngọ-Môn.

Cửa Ngọ-Môn do vua Minh-Mệnh xây từ năm 1833, có năm cửa, ba cửa giữa, hai cửa hai bên, trên có ngũ-phương-lâu, mái trang-hoàng rất trang-nhà. Trước cửa Ngọ-Môn hào đào rộng ra, gọi là Kim-thủy, có bậc ba cái cầu đi qua.

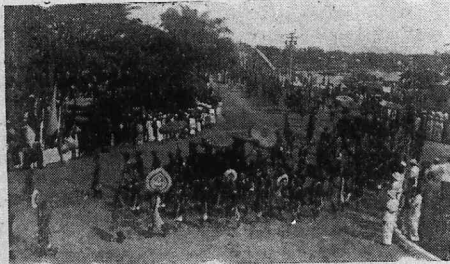
Qua cửa Ngọ-Môn, tới sân rồng, một cái sân rộng thênh-thang bát ngát lát gạch phẳng lý, coi càng bát ngát thêm, phân làm hai cấp. Hai bên sân, cách một quãng, lại có một tấm bia đá, trên khắc chữ từ chữ-phẩm đến nhất-phẩm để phân địa-vị phạm trật những ngày bá quan tề-tự vào chầu vua, khi có thiết đại-triều.

Trông ra sân rồng là điện Thái-Hòa, một tòa

cung điện lộng-lẫy huy-hoàng xây từ đời vua Gia-Long. Giữa căn phòng rộng thênh-thang và rực-rỡ những vàng son chói lọi, những nét chạm lồi chạm lõng cực-kỳ công-phu, những cửa vòng chạm lõng như đăng-ten thép toàn vàng nuốt, trên ba chiếc sập vàng cái nhỏ chồng lên cái to, có đặt chiếc ngai rồng, là nơi ngự-tọa của Hoàng-Đế, những ngày thiết đại-triều mỗi tháng hai lần vào ngày rằm và ngày mùng một. Tới nay, thì mỗi năm Hoàng-Đế thiết đại-triều độ mười lần, vào ngày nguyên-đán và các ngày đại-lễ.

khởi điện Thái-Hòa, có Kim-Môn hay Đạp-Cung-Môn là cửa vào Tử-cấm-Thành tức là nơi cung cấm của Hoàng-Đế và hoàng-quyển.

Qua Đạp-Cung-Môn tới điện Càn-Chánh là điện của Gia-Long sai làm năm 1811. Điện này cũng là nơi Hoàng-Đế ngự nghe bá quan tâu việc nước như điện Thái-Hòa, nhưng ngay từ đời đức Thế-Tổ Cao-Hoàng, điện này lập riêng để thiết thường-triều. Cũng vàng son chói lọi, cũng trang-hoàng lộng-lẫy cầu-kỳ, nhưng điện Thái-Hoàng oai-vệ hơn, điện Càn-Chánh thì trang-

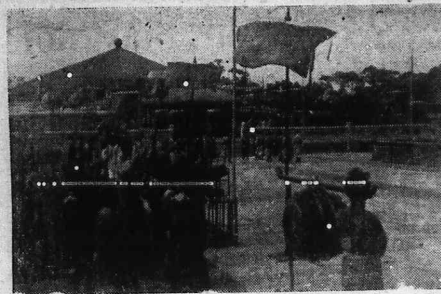


Quang cảnh đám rước Đạp-ngự tại Giao-đàn

Photo Tăng-Vinh

nhã và ấm-cúng hơn, nơi nào trang-hoàng hợp với sự quan-trọng và không-khi của nơi ấy. Đồ đạc trần-thiết trong điện toàn bằng gỗ, bằng trắc khảm xà-cừ và ngà voi rất tỉ-mỉ, hợp với những đơn-sử, thống-sứ Tàu cổ thành một kho của báu vô-giá.

Ngoài sân, trước điện có hai cái vạc đồng lớn. Để về phía tây có cửa quan gọi là cửa Nguyệt-đức, về phía đông có cửa Nhật-đức. Hai cửa quan tráng-lệ này do vua Minh-Mệnh xây từ năm 1833. Đi về phía Tây, theo lối tay mặt dọc theo bức thành ngăn viện Cung-Phi cũ, qua lối đi vào cung các đức Thánh-Cung Hoàng-Hậu, thì tới điện Phụng-Tiên là điện thờ các Tiên-đế từ triều Gia-Long tới gần đây. Đền này là đền dành riêng Hoàng-Thuận, mỗi khi có lễ khánh-kỷ các Tiên-Đế, tới thiêu-hương hành lễ. Điện này do đức



Quang cảnh giao-đàn

Photo Tăng-Vinh

Gia-Long xây từ năm 1814, nay có lập viện Hoàng-Gia trấn-tàng tại đó. Những thức ngự-dụng của các Tiên-đế như súng tay, đinh đồng, đồ bạc, đồ ngọc, trân châu, đồ gỗ son sơn thiếp vàng, những tiền đồng các triều vua,... đều trưng bày tại đó.

Trước đền Phụng-Tiên, có đền Hưng-Miếu thờ đức Tiên-Vương sinh ra đức Gia-Long và đền Thế-Miếu thờ các Tiên-đế như trong đền Phụng-Tiên vậy. Trước sân Thế-Miếu, một tòa cung-diện dài đăng-đặc, coi cổ-kinh đồ-sộ lắm, có đề một dãy dài chín cái đinh đồng đen rất to. Mỗi chiếc dành riêng một triều vua từ đức Thế-Tổ tới nay, trên đỉnh có khắc miếu hiệu từng vua. Đúc từ đời Minh-Mệnh (1885) mỗi cái đinh nặng từ 1.933 tới 2.601 kilos, trên thành đỉnh có khắc những hình-tượng cầm thú, lâu-dài phong vân, cảnh-tri biểu-tượng quốc-gia và vũ-tru. Cái đinh nào cũng cao gấp rưỡi đầu người, coi thật là vĩ-dại.

Cung-chiếm Thế-miếu xong, trời đã xế chiều, khách-du có thể đi lối cửa Đông (cửa Hiền-Nghơn) ra ngoài, hoặc lại theo lối cũ, ra lối Ngọ-Môn để thưởng-thức cái cảnh bình-tĩnh hùng-vỹ khi ánh chiều gần tắt trên nóc những cung-đền ngự-ngự và trên những khu sân gạch rộng bát ngát phẳng-lì thăm-thăm.

Từ cửa Ngọ-Môn nếu khách-du được phép trèo lên Ngự-ký-đài thì khách sẽ thụ lại lần cuối cùng, đại-thể những cung-diện vào t-ong nhữn-tuyển, hoặc được ngắm những cảnh ác tá trên những bức thành cổ o-sơ-đó.

Lăng-tăm và về hùng-vỹ

Dù sao, cảnh cung-diện trong Hoàng-Thành cũng chỉ cho người ta những ý niệm về sự tráng-lệ mà thôi.

Muốn thưởng-thức hết cái vẻ hùng-vỹ của Đế-đô, cần phải đi thăm những tôn-lăng ở rải-rác

gần xa kinh thành. Đó mới thật là những cảnh đã khiến nhà giáo-sĩ bác-học Cadrière phải khen là có phảng-phất những kỷ-niệm vĩ-dại, và về hùng-vỹ của sự chế-».

Những lăng-tăm đó có một vẻ đẹp mơ-màng, say-sưa, một vẻ đẹp cao xa vòi-vọi, một vẻ đẹp kỳ-thú làm lòng người nao-nao như thương như nhớ băng-khuàng, một vẻ đẹp hùng-vỹ và bao-la không bút nào tả được.

Có sáu lăng chính là các lăng: Tự-Đức, Đồng-Khánh, Thiệu-Trị, Khải-Định, Minh-Mệnh và Gia-Long.

Ở Ba Lăng Tự-Đức, Đồng-Khánh và Thiệu-Trị ở gần nhau, và cách xa kinh-thành không mấy. Lăng Minh-Mệnh cách xa Huế 11 cây số, lăng Gia-Long cách Huế 14 cây số, ở gần bờ

sông Hương và dựa vào những đồi cao chót-vọt. Lăng Khải-Định thì ở vào giữa hai lăng đó, dựa lưng vào một trái núi đất.

Gọi là lăng, hẳn các bạn liên tưởng đến những sinh-phần, những lăng mộ của các quan và các nhà giàu xây dựng tại các cánh đồng nhà quê, có cây, có trường, có nhà tể, có hồ nước, núi giả v.v... Không, đó không thể gọi được là lăng. Đó chỉ là những thứ vô nghĩa và nhô-nhật vô cùng nhỏ như hạt bụi bên cạnh những lăng-tăm đế-vương ở Huế.

Chưa tới tận nơi thăm, chúng tôi biết bạn không thể nào tưởng ra được cảnh lăng-tăm ở Huế.

Chẳng phải là khu đất một vài mẫu ruộng, một vài bệ thờ, một vài cây cổ-thụ, chẳng phải là những lăng quan và lăng thần mà bạn đã thấy-đâu!

Nó là tất cả một khu-vũ rộng bằng mấy làng lớn bằng một tổng, nghĩa là rộng hàng trăm hàng ngàn mẫu ruộng, gồm cả rừng, núi, đồng cỏ, khe ngòi, hồ ao. Trong đó, hoặc tụ-tập hoặc rải-rác mỗi quãng một tòa đình-dài cung-diện với những sân rộng, những cửa quan những tượng quan, linh, voi, ngựa bằng đá. Mỗi tòa đình-dài, mỗi cửa quan là một kỳ-công kiến-trúc. Còn một thì chẳng ai biết ở chỗ nào. Ở trong điện? ở trên núi? ở trong rừng? Bị-mất! Duy tại lăng Gia-Long là thấy mộ ở trong một khu giữa rừng có tường hoa bao quanh.

Lăng Tự-Đức hiếm trể nhất, vì thời-gian đã đào thành những hào những khe sâu thăm-thẳm ở xung quanh. Lối vào bị-đai hai bên trồng những cây xoài và nhất là những cây đại cổ thụ um-tùm, có lẽ những cây đại cổ và đẹp nhất nước Nam. Tại đây, đáng chú ý hơn hết có lẽ nhà thủy-tạ làm trên cọc giữa một ao sen, coi chạng khác gì một tòa cung-diện nổi. Đó là

nơi sinh thời nhà vua cùng các cung-pri Hoàng-hậu ngự ra thừa lương và tẩm, những ngày viêm-nhiệt. Đó là nơi mà nhà vua ngự ra vui sống thường-giám trước nơi mình sẽ yên giấc ngàn thu.

Lăng Đồng-Khánh là lăng nhỏ nhất, song biểu-tượng được hết về nhà-thủ và sự quân-bình của lâu-dài với cảnh-chỉ thiên-nhiên.

Phía hữu lăng này là lăng đức Kiên-thái-vương là đức vương-phụ. Đặc-sắc của lăng Đồng-Khánh là tường và điện-dài đều quét màu hồng, những kiêu đáp bằng sứ và gạch men vô số.

Lăng Minh-Mệnh là lăng vĩ đại nhất, đẹp nhất và làm cho người ta cảm-khái nhất.

Lăng Thiệu-Trị bắt chước kiêu lăng Minh-Mệnh nhưng qui-mô thu nhỏ lại.

Lăng Khải-dinh là lăng làm chắc-chắn nhất, vì là mới nhất, kiến-trúc rất hoa-mỹ. Đặc-sắc nhất là tại lăng này, trong đền thờ, dưới ánh sáng lơ mơ bắt-diệt của các đèn thờ, người ta gặp mình thấy thần-tượng nhà vua bằng gỗ thếp vàng chói lọi.

Lăng Gia-long giản-dị nhất, cổ-kinh nhất, nhưng hùng-vĩ nhất. Vì phần cảnh-chỉ thiên-nhiên cổ-kinh chiếm phần nhiều. Nhất là những lúc trời chiều, đứng trước cảnh núi rừng bát-ngát, nghe gió reo trong đám thông già khách thấy lòng trào hoang-mang và tưởng như đã hiểu thấu một phần cái lễ huyền-bí thiên văn cổ là sự chết.

Bác-sĩ Gaide quân y đại-tướng nói rằng: « Cùng với Đế-Thiên Đế-Thích và vịnh Hạ Long, Huế là một trong ba kỳ quan của Đông-dương, và có lẽ là nơi đẹp hơn hai, vì cái thú-vị phức-tạp và sâu-xa gây cho du-khách ngay từ khi mới tới kinh đô. »

Tưởng không còn lời kết-luận nào ý-vị và xác-đáng hơn nữa !

VĂN HẠC

ĐÃ XUẤT BẢN:

Giấc Cờ đen

Sách dày 100 trang, khổ 12 x 19, bìa hai màu — giá bán 0\$35

Cô Tư Hồng

dày 240 trang, khổ 12 x 19, giá 0\$80

HỎI TẠI:

TRUNG - SÁCH THƯ - XA

38, Boulevard Henri d'Orléans — Hanoi

Một sự thay đổi

Sách Hoa-Mai chẳng những được các bạn học-sinh nhiệt-liệt hoan-ngênh, mà cả những người lớn tuổi cũng ham thích. Bởi thế nên có nhiều loại sách học-sinh bắt chước trình bày y như sách Hoa-Mai. Vì vậy, bắt đầu từ số II, nhà xuất-bản sẽ đổi bìa, theo kiểu bìa Hoa-Mai số Tất

ĐÃ CÓ BẢN:

HOA THỦY - TIỀN

Hoa-Mai số II của Thy-Hạc giá 0p10

Người em sâu mọng

Truyện dài của Vũ-trong-Can giá 0,60

Trại tãi, gái sãi, dân yêu nhau bằng một tình mê-say, dân thù — Rồi cái tình eo-le của đôi giai-nhân, tái-tử kết-hợp bằng một hiện thân đôi. Cái thân cô đã được ông Vũ-trong-Can thuật lại bằng một giọng văn lâm-lý, đầy thơ-mộng.

Nhà xuất-bản CỘNG-LỰC 9 Takou Hanoi

MỘT CÁI TÊN ĐỂ ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ NHỮNG SÁCH CÁC NGÀI MUA

NHÀ XUẤT BẢN

LÊ-VAN-TRƯƠNG

38 — Gustave Dumoutier — Hanoi

Ngoài những tác phẩm của nhiều văn sĩ, thì ai nổi tiếng sẽ mở một **TỦ SÁCH NGƯỜI HÙNG**

để lần lượt xuất bản những tác phẩm văn chương của **Lê-van-Trương**. Quyền rẻ nhất cũng bán 0\$90. Sách dày xếp đặt bởi những họa sĩ có tài. Ai muốn giúp một công cuộc hữu ích, giá tiền trước thì xin tính: 6 quyển 4\$60, 12 quyển 8\$80. Sách đều có chữ ký của tác giả và phát hành vào khoảng 15 đến 25 mỗi tháng. Tác phẩm đầu tiên trong tủ sách **Người Hùng SỢ SÓNG**

Xã-hội tiểu thuyết sẽ xuất bản vào tháng février 1942, giá 0\$9

Nỗi oan của bác đồ gàn

CHUYỆN NGẮN
CỦA BÙI-HIỆN

Một sự tình cờ đã dẫn họ lại trong gian phòng đó. Tuy ở những giai-cấp khác nhau, họ hợp thành một xã-hội nhỏ ở-hợp và nhiều màu vẽ. Phần nhiều đều là những nhàn-vật danh tiếng, đặc biệt bởi một thói xấu bất hủ hay một hình thù quái-dị.

Gian phòng hơi nhỏ hẹp, dẫn họ lại gần nhau. Toắt là một xã-hội đại-đồng, nơi đó chẳng có bóng đêm tới gần ông trưởng-giả hấp mắt, và có tiền-thư vừa ợ không có vẻ khó chịu vì sự kễ cạnh một bác Nhiều rượu

thở hơi men ra xa mười thước. Họ cũng chung một ông cha, anh chàng họa-sĩ gầy nhom đeo tranh vui cho một tờ tuần báo hi-hước, chẳng đã tự tạo doan đào kép họ, mà chẳng bắt mứa may hát bông theo ý riêng mình, để gây vui mỗi tuần cho công chúng. Công cuộc hoạt thai thương một nhọc, ử ếp dài soi một cuộc suy nghĩ lâu dài soi mới từng tiền-tiết: cái mũi phải ra sao, đôi mắt phải thế nào. Nhưng cũng có khi, ít khi người hay thẳng ngòm vùi hiên một cách đột nhiên dưới ngọn bút ngỡ ngàng phiếm của nhà họa-sĩ, làm cho chính chàng ngạc nhiên trước nhất và kêu lên: « O kìa! mình vừa để thêm một đũa! »

Rồi chàng vội khai sinh cho nó, ghĩa là tự chước một cốc rượu mừng để ngay tức thì đem đưa sơ sinh nhập ban tuồng mà chàng quên-đức.

Tên hề mới, bị vút vào giữa cuộc nhàn-sinh lộn-xộn và ở-hợp, không tỏ vẻ gì ngờ ngạc hay khó chịu. Rất ngoan-nguân, có vẻ mình theo ý muốn của chủ, ra đóng trò ngay mà rất tự nhiên!

Ngơng-ngơng, đó là cái luật lớn mà cũng là cái luật duy-nhất của ban tuồng kỳ-dị ấy. Không bao giờ cưỡng lời chủ, nhắc ngay cái chân mà ông ta muốn gior, nói lời nói mà ông ta đã nhắc, dù tự biết rằng mình sẽ lộ bịch, sẽ làm trò cười cho công chúng — thế công chúng độc-ác lấy sự chế nhạo làm thú vui — cứ như thế, đoàn đào-kép sống được yên ổn, trong sự triu mến của nhà họa-sĩ mà sự giám sát buồng lồng dù một tình cha nhân từ.

Và lại, để bù công, họ được hưởng một sự tự do hoàn-toàn trong lúc chủ vắng nhà. Khi anh gả sống đặt trên lò sưởi, rần rờ trong chắt cầm-thạch màu xám nhờ nhờ, vươn cao cổ cất tiếng gáy báo hiệu, những nhàn-vật kỳ-quái của gian phòng, biết rằng nhà họa-sĩ đã đi ra, tự cho phép xê dịch và cất tiếng. Bắt đầu, họ đuổi chân tay, vuốt vai, uốn eo, đánh đuôi con tẻ công gây bởi một cuộc bất-động quá kéo dài. Rồi sự nhón nhào nôi đảo, hợp bởi muôn tiếng li nhí ng e xinh xinh của bọn người ti-hon ấy.

Thằng cha đồ tể rửa: « Mệ

Người Việt-Nam hãy đọc:

ái - bắc

của Thao Thao đề rõ lịch-sử anh hùng của đất Việt.

Giá. 1\$00

Adr. CAO-BÁ-THAO
TIN MỚI — HANOI

đếch! Làm ông mới rữ cá tay. » Hân vương tay vút rất mạnh một con dao rựa ra xa, đoạn ngồi xồm xuống đất, nghĩa là xuống nền trước của vương giầy, tự cho phép nghĩ, vòng tay khoanh ôm hai đầu gối gập. Thỉnh thoảng hẳn vữa ngửa người, co tay ngang vai rồi ruỗi thẳng đánh rắc cho đến gần cổ. Nhà họa-sĩ bỏ lữ giữ bực tranh, đây dọa hẳn đứng cả một ngày tròn, lưng cúi, cầm làm làm con dao một cách vô duyên, bởi dưới đao không có gì cả, dù là một cái thoi. Hân đã gò người đứng mãi trong dáng điệu bất liên sự, lo lắng tự hỏi không biết người ta sẽ bắt mình mứa bắt gì đây. Ừ, dù hẳn có phải làm một cử động buồn cười, nói một câu ngớ ngẩn, thì cũng cho hẳn nể hẳn làm đi, chứ nữ sao giam cầm hẳn mãi trong một sự thấp thỏm sao mà quái ác!

Nhà họa-sĩ có cái tật lồng bông, tai hại ấy: không bao giờ vẽ luôn nét bút một bức tranh, dù một bức tranh nhỏ đơn sơ. Chàng always từ bức này sang bức khác, quên lên đây một nếp nhào áo, điểm vào kia một bộ râu lôm, Chàng đùa với vệt vẽ làm.

Bác buồn thật không phải là nạn-nhân thứ nhất chịu sự hành hạ của cái thói xấu ấy. Từ khi chàng cầm bút, đã biết bao nhiêu người cụt tay, mất mũi, chột mắt. Một bác thợ nề đã co chân thước thợ tựa ông tuồng tuồng, vẫn không tìm thấy còi, bực thang dựa bước; ông trực-phủ kin đã ngồi hàng hai ngày trên chiếc ghế tuồng tuồng mình gập, chân co như người sắp nhảy, lòng bồn khoăn tự



BÀ ĐÀ ĐẸN, BÀ ĐÀ ĐI

Nữ-sĩ Michiyo Mori là một tiểu thuyết gia kiêm thi-sĩ Nhật có thể ví vơi bà Colette

Hôm thứ bảy 21 Mers mới đây, Hanoi vừa đưa tiễn một nữ-sĩ của nước Nhật, nữ-sĩ Michiyo Mori, đến thăm xứ Đông-dương được độ ít lâu nay.

Bạn đọc chắc còn nhớ ngày nữ-sĩ vừa về chân đến đất này, các báo hàng ngày ở đây đều có nói đến và nữ-sĩ đã tự giới thiệu với bạn đọc bằng một bài thơ bằng bảy chữ ý vị:

Bài thơ Đông-dương để tặng Đông-dương.
Tôi đi mây bay.
Mây bay của tôi chạm núi Phù-sĩ và trong những đám mây muốn sắc tôi dẫn mình vào và đi qua.

Một cảnh lộng lẫy đã diễn ở dưới mắt tôi.
Bỗng tôi rơi xuống như cơn dạ-diệp
Đây là xứ Đông-dương.

Tôi có thể mang gì đến cho các ngài?
Tôi không biết nói tiếng Pháp mà cũng chẳng biết nói tiếng Việt-nam

Không có hàng hóa, không có cả chuyện lạ
Tôi có thể mang gì đến cho các ngài?
Tôi là con bướm không có gì hết.

Trong gió nhẹ, những ngôi chùa
Và những ruộng xanh
Tôi bước xuống và ôm một trái tim
Chứa đựng tất cả sự thanh thản,
Tôi xin dâng các ngài

Từ đó đến nay, các bạn không nghe thấy nhắc đến tên nữ-sĩ. Đó là vì nữ-sĩ không phải chỉ là một nhà thơ như bà Huyện Thanh Quan hay bà Comtesse de Noailles nhưng lại kiêm cả một tiểu-thuyết gia nữa. Nữ-sĩ đến Đông-dương cốt là để khảo sát, tìm tòi nên không một ngày nào là nữ-sĩ không đi cả.

Michiyo Mori đã đi Pháp, đi Bỉ, đi Hà-lan đi Thụy-sĩ, đi Mỹ-lai, đi Nam-dương quần-đảo...

Vậy đến Đông-dương cái thiên-tính của bà cố nhiên đã bắt bà đi hết, từ núi Bà Đen trong

Nam ra đến những cái đầm lầy lội ở miền trung-châu Bắc-kỳ.

Cảm tưởng của bà về Đông-dương thế nào? Chúng tôi không cần nhắc lại vì ngay lúc bà mới đặt chân trên mảnh đất này, nhiều báo Pháp Nam đã đến phỏng vấn bà và bà đã nói cảm tưởng bà về cho các báo thuật trên mặt báo.

Chúng tôi không muốn nhắc lại những cảm tưởng ấy một lần nữa, vì sự làm siam mất hết cả cái đẹp đi. Hôm nay, nhân nữ-sĩ từ giã đất này, chúng tôi muốn nói qua về thân thế và sự nghiệp của nữ-sĩ. Đó là điều chưa mấy ai biết bởi vì hình như chưa có báo quốc ngữ nào nói đến.

Như các bạn đã biết là Mori là một nữ-sĩ nhưng không phải chỉ ngồi một chỗ mà làm thơ như bà Nguyễn-thị-Điềm hay cô Hồ-xuân-Hương.

Không, bà đi rất nhiều cho nên những cảm giác của bà cũng lạ. Bà không như trăm nghìn nữ-sĩ khác chỉ nằm máy vấn đề sầu, mấy tình cảm thường như: ái-tình, yêu sống, sự chết v... Mori nữ-sĩ đã dám nắm lấy những luận đề mới lạ của những bậc thi-sĩ, văn-sĩ đàn ông: tâm-lý kiêu-dân Nhật ở ngoại-quốc, phong tục, phong cảnh và tình tình dân chúng ở những nước xa lạ như Bali, Paris, Singapore v.v...

Michiyo Mori năm nay 41 tuổi. Đó là tuổi của những văn-sĩ, thi-sĩ mà tài năng đương phát-triển hoàn toàn. Bà đã thông minh, lại hơn vì được sinh trưởng ở một nơi thắng cảnh có quan hệ đến lịch-sử Nhật là Yamada nên bà sớm đã gây được một địa vị rất chắc chắn trong làng văn thơ Nhật. Chúng tôi tưởng cũng nên nói một câu về Yamada là nơi đã thấy nữ-sĩ Mori ra chào đời. Mori theo học ở Yamada và đã từng thấy những vị thủ-tướng Nhật đến lễ đền Isé. Đền

ấy thờ nữ-thần Amaterasu đã sáng lập ra nước Nhật. Mori tốt nghiệp ở trường Cao-dẳng nữ-sư-phạm thì bắt đầu làm thơ. Thơ bà rất đẹp những cảm tình chân thật của bà trên mặt giấy một cách rất xâu xa ý vị. Bà không làm thơ haikai ngắn ngắn nhưng làm thơ tự do theo lối Âu-tây rất nhịp nhàng tiết tấu.

Về mặt tiểu-thuyết bà cũng tỏ ra là một người có biệt tài.

Bà đã soạn những chuyện này:
Nenime (Bắc phương xa thăm)
Akebonogai (Con đường bình minh)
Paris no Yado (Nhà tôi ở Paris)
Và Hanabira (Những cánh hoa).

Bà đã viết một thiên cáo luận bằng văn xuôi: Onna Tabi (Du lịch xứ người).

Về thơ, bà soạn hai cuốn Ryugo no Hi o mi (Mặt bà hoàng-hậu) và Toho no Si (Thơ Á-đông).

Dưới đây chúng tôi xin trích dịch một bài thơ có ý vị của bà trong một tập mỏng (Trên khắp đường đời) viết bằng chữ Pháp mà bà đã có nhà ý tặng chúng tôi trước khi đáp tàu về nước:

Pluie et Iris

La pluie entoure l'île
Comme un col blanc.
Le frein mord rapidement les fleurs d'iris
Balancent des têtes d'Oïran.
Un chemin d'eau blanche
Du jet d'eau du café de la Coupole,
S'ouvre comme un éventail de papier,
Ou comme la nageoire du poisson.
Dans la forêt de l'eau
Des appareils photographiques dorment,
Comme une idée toute nouvelle.
Comme la vapeur du café, sur les lunettes
Trois fois la pluie passe:
Dans l'engrenage où une roue dentée
Entraîne d'autres
roues dentées,
Je vois les regrets
et les libertés.
Voyez, cet engrenage se transforme

Comme ce qui ae l'amour
Qui se réfléchit indirectement dans l'objectif de la chambre noire.
Sur la distance entre les deux lentilles de l'objectif

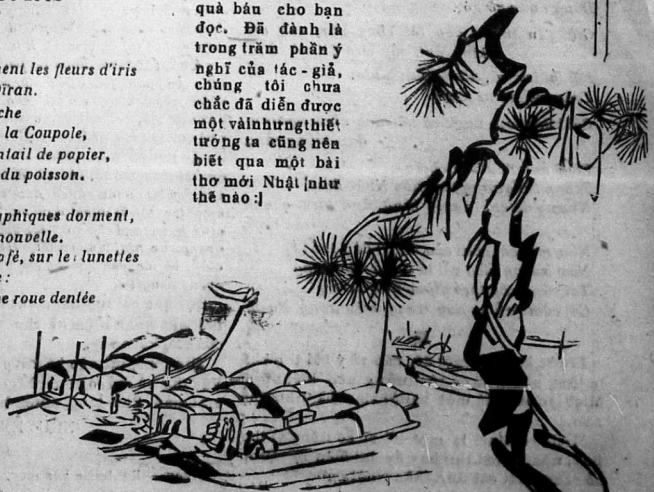
La pluie se brise
Ma pensée qui se réfracte et s'éloigne
Se retrouve, comme l'image,
Plus loin, sur la feuille d'iris.
Le siphon et moi, ensemble,
Inclinons nos têtes, considérant que
Peut être, ce portrait se réfléchira
Dans le miroir du Japon
Mais c'est une image de la solitude.
Jette, chargée d'une lettre,
Je laisserai aller à la dérive
Ce sentiment dans l'océan de Paris.

MICHIYO MORI

Bài thơ này, cũng như tất cả các thơ khác của nữ-sĩ khó hiểu vô ngần. Người đọc càng ngâm từng câu từng chữ, chưa chắc đã hiểu thấu đáo được tất cả cái tinh-vi, tế-nhĩ thay; huống hồ lại đem ra dịch.

Chúng tôi không muốn phân nữ-sĩ — bởi dịch tức là phân — nhưng chúng tôi không thể không đem đến ra quic ai gần làm một món

quà bòn cho bạn đọc. Đã đành là trong trăm phần ý nghĩ của tác-giả, chúng tôi chưa chắc đã diễn được một vài nhưng thiế-tưởng ta cũng nên biết qua một bài thơ mới Nhật như thế nào:]



Mưa và hoa khê tôn

Nước chảy như mưa bao quanh hòn non bộ,
Như cái cổ cùn trắng.

Lướt qua những cánh hoa khê tôn
Như trên mái tóc những kỹ-nữ phù tang
Rang rinh những cánh hoa khê tôn.

Một đường nước trắng
Tù hồn non bộ của nhà hàng La Coupole
Xõe ra như một cái quạt giẫy
Hay như một cái váy cá.

Trong rừng nước đó,
Những hạt nước long tanh đường như đang
yên giãc.

Yên giãc như một ý-kiến mới.

Như hơi cà-phê,

Mưa nước ấy ba lần lướt qua trên đôi mắt
kính của tôi.

Trong chuỗi nước, hạt này đuổi hạt kia, hạt
kia đuổi hạt nọ,

Kia, cũng như những hạt nước nọ
Tôi thấy sự tiếc nhớ và những sự tự do
Cũng xoáy đầy lên nhau.

Rồi thì, chuỗi nước ấy biến hóa

Ái-tình biến hóa

Ái-tình phân chiếu một cách gián tiếp trong
tâm khảm tôi

Như qua ống kính hòm ảnh tôi đen.

Rồi đến quãng giữa

Dòng nước vỡ đôi.

Giòng tư tưởng của tôi cũng như qua cái
kính ảnh gây làm đôi rời xa ra

Rồi lại trở lại, như cái ảnh kia.

Trên cái lá khê tôn.

Cái bình bơm nước và tôi cùng nhau nghiêng
dầu tưởng rằng

Có lẽ ảnh đó phản chiếu

Trong cái gương tâm hồn Nhật-Bản

Nhưng đó chỉ là một hình ảnh hư quạnh
mà thôi.

Như một cái chai của nhà Thủy-thú (1)

Ném xuống biển với lá thư ở bên trong

Tôi cũng cho theo dòng nước chảy

Cái cảm tưởng này trong biển rộng Ba-lê.

Trước khi nói một đôi câu về ý bài thơ khá
lãng mạn, chúng tôi tưởng nên biết nữ-sĩ
Michiyo Mori là một người đàn bà như thế
nào.

Michiyo Mori là một nữ-sĩ có tiếng vì thơ
hay, nhất là bài thơ hay ấy lại biến lộ được
rõ ràng nhất cái tinh thần Nhật bản.

Cách đây mấy tháng, nữ-sĩ đề gót lần đầu
trên đất Đông dương này. Nhân dịp ấy quốc-
dân ta đã được dịp thưởng thức bài thơ

« Tôi đi mấy bay đến Đông-dương »

nói trên kia.
Từ đó, nữ thi sĩ đi khắp từ Nam ra Bắc, cái
gi cũng khảo sát, cái gì cũng muốn biết cho
tường tận. Muốn biết quan niệm của nữ sĩ về
thơ văn như thế nào chúng tôi tưởng không
gi hơn là mượn mấy lời này của nữ sĩ để tựa
cuốn *Par les chemins du monde* (Trên khắp
đường đời).

« Tôi là người đàn bà Nhật.

« Tôi vẫn quen vận một cái ki-mô-nô sức sữ, ở
cánh tay có hoa pivole và hoa khê-tôn điềm ở
ngực tôi một chùm glycine. Tôi đã bỏ bộ quần
áo cổ ấy rồi.

« Tôi phải mặc áo gì đây ?

« Tôi đi qua đất Tàu, tôi lưu lại ở Thượng-hải
« sáu tháng, tôi ngược giòng sông Yang Tse Kiang,
« đi qua mấy tỉnh Tô-chân, Phúc-châu và Hán-
« châu. Lúc đó, tôi vận áo khách bằng lụa Nam-
« kinh có cao tay lung thụng, đi giày lụa cái khuy
« ngọc và cầm một cái quạt to có tám phong
« cánh Phúc-châu.

« Sau đó, tôi ở Hongkong một tháng và sáu
« tháng ở Mã-lai, Tân-gia-ba và Java. Tôi đã đi qua
« nhiều rừng nóng và đã bước chân vào những
« thành phố vào von tiếng ca hát của người Ấn độ.

« Ở Java, tôi đã vận « phá » (cái thứ của bọn
« ca kỹ trong rạp tuồng Wayang vẫn mặc) và một
« cái áo kabaya có dính khuy bằng vàng giả ; tôi
« đeo vòng vàng ở cổ chân, tôi đi giày bằng da trâu
« và đeo hoa tai kim cương Bornéo.

« Rồi thì tôi vượt Hồng-hải và Địa-trung-hải, tôi
« đến Ấn châu. Bây giờ y như có gái Ba-lê, tôi đi
« lệch trên đầm một cái mũ nhỏ có cái lông trắng
« và mặc một cái áo bông ó xanh. Gót giày tôi nên
« hề đường cứng nhắc.

« Ấy thế mà bao nhiêu những bộ quần áo đó tôi
« có thể thay rào cá, vứt đi cả, làm bàn cà, xé đi
« cả, và làm nhàn nải cá, đầm chọc cá ; chỉ duy có
« một thứ là bắt đi bất dịch mà thôi : ấy là cái bàn
« (thế hoàn toàn của tôi, cái thân hình mềm mại,
« vàng rực, tươi tắn của tôi, ở trước một tấm gương
« lớn, bộ tóc đen nhánh và những cái lông mày
« bóng nguyệt ».

Đọc qua bài tựa này, các bạn tất đã có thể
biết qua quan niệm về thơ văn về cuộc đời
của bà ra sao vậy.

Thực thế, lúc nào bà cũng là người Nhật.
Vậy thơ bà chỉ toàn những cảm giác được
một màn Phù-tang, muốn hiểu cho kỹ người

NGUYỄN ĐOÀN-VUÔNG

(xem tiếp trang 38)

Vigny — Bouteille à la mer.

TRONG KHÍ CHIẾN-
TRANH SẮP ĐẾN

NHỮNG CẢNH HUY-HOÀNG THẦN-BÍ VÀ VÍ-ĐẠI CỦA NƯỚC « MỘT NGHÌN MỘT ĐÊM LẺ »

Trong một bài đăng trên tờ
T.B.C.N. gần đây chúng tôi đã
nói qua đến địa dư, lịch sử và
vấn đề tự trị của Ấn-độ, hòn
ngọc vô giá của đế-quốc Anh.
Nay cuộc chiến tranh đang dần
dần từ miền Rangoon và miền
Nam Diêm-diên rời lên miền Bắc
xứ đó và đến biên-giới Ấn-độ,
khắp thế giới đều để ý đến cái
xứ thần bí và tối cổ đó, cái xứ
đã nổi tiếng ở Đông-phương từ
xưa đến nay.

Có tin rằng giữa lúc chiến
tranh sắp bước vào thời kỳ
quyết liệt cho Anh, các nhà lãnh
tư quốc gia Ấn đã họp để giải
quyết vấn đề hiến pháp, chính
trị. Quốc hội định rằng : Nếu
Anh cho Ấn-độ tự trị hẳn nghĩa
là có quyền lập một chính phủ
chịu trách nhiệm trước dân
chúng Ấn-độ thì 350 triệu dân
Ấn mới chịu phụ tác với Anh
trong công phòng thủ nước nhà
để chống với quốc gia Nhật.

Hiện nay, ai cũng phải công
nhận rằng Ấn-độ là vấn đề gay
go và cấp bách nhất cho người
Anh và chỉ trong một thời hạn
rất ngắn ta sẽ biết rõ những
việc cải cách về chính trị thi-
hành ở xứ đó.

Ấn-độ cùng với Ba-tur, Irak là
những xứ văn minh và thịnh
vượng ở Đông phương về cổ
thời. Nói đến các xứ đó, người
ta lại phải tưởng tượng đến
những cảnh huy hoàng, sán lạn
và có vẻ thần bí trong các
chuyện « Một ngàn một đêm lẻ ».
Tác giả cuốn chuyện là rõ phong
lục Đông-phương về cổ thời đó

đã không bia đặt và những cảnh
trong sách đó, theo các nhà du
lịch Ấn-độ và Ba-tur gần đây thì
chính là những cảnh trong thời
ơ các nước đó.

Ấn-độ từ xưa đến nay vẫn là
cái nôi ngon cho các đời quân
chính phục và một xứ có nhiều
tôn giáo được chạm nhau. Thực
thế, quần Aryas, quần Ba-tur,
quần A-rập, quần A-phu-hân và
quần Mông-cô và quần các nước
Tây-phương đã lần lượt đến
chinh phục những đất đai rất
phi-nhiên ở dọc các sông Hằng-
hà, Indus và Brhmapoutra. Về
tôn giáo thì Ấn-độ cũng có rất
nhiều từ đạo Bà-la-môn đến đạo
Hô-hô, đạo Phật và đạo Thiên
chúa cũng các Tôn-giáo. Đạo
Phật đã được Thích-ca mâu-ni
xưa kia, có hời đã rất thịnh
vượng ở khắp các xứ Ấn-độ
trong 800 năm (thế kỷ thứ tư
trước Thiên-chúa giáng sinh
đến thế kỷ thứ tư sau T.C.) hiện
nay chỉ còn lại ở Tích lan
và ở xứ Nepal còn ở Ấn-độ (thì
lại nhường chỗ cho đạo Bà-la-
môn là đạo rất cổ của người Ấn-
độ và các tôn giáo khác.

Những vị vua Mông-cô con
cháu Tamerlan danh tiếng nhất
có những vị sau này :

Baber đệ lục thế tôn của Ta-
merlan đã mở rộng được ợ đồ
từ sông Amôn ở miền Trung Á
đến trung lưu sông Hằng-hà và
sau chet ở Agra. Con vua Baber
là vua Humayoun trước bị thua
nhưng sau lại thắng quân A-
pau hân và cướp hẳn được
quyền cai trị xứ Ấn-độ từ đây.

Con vua này là vua Akbarle
Grand đồng thời với vua Phi-
lippe II và Nữ hoàng Elisabeth
(1556-1603) là ông vua có công
nhất trong việc lập ra đế quốc

Con vua này là vua Akbarle
Grand đồng thời với vua Phi-
lippe II và Nữ hoàng Elisabeth
(1556-1603) là ông vua có công
nhất trong việc lập ra đế quốc

Các đền đài và cổ
tích ở Ấn-độ

Khách du lịch ở phương xa
bước chân vào nước Ấn-độ
trước hết phải đi ỹ đến những
đền chùa và lâu đài cổ tích rất
vĩ đại và huy hoàng ở khắp miền
Trung-lưu sông Hằng-hà, tại các
kinh đô cũ như Delhi, Agra và
các kinh đô của các ông hoàng
Ấn-độ ngày nay trong miền
« Rajpoutana » nghĩa là xứ của
các vua chúa.

Các đền đài và lăng tẩm của
vua chúa đáng chú ý nhất là do
các đời vua dòng dõi của ông
vua Mông-cô anh hùng là Ta-
merlan hay là Timourlieng (Thiệt
mộc nhi) con cháu Thành-cát-tư-
hân đã xây nên. Họ Timour làm
vua ở Ấn-độ có tới 3 thế kỷ (từ
thập ngũ đến thập thất thế kỷ)
nên đã để lại tại các kinh đô
rất nhiều di tích.

Những vị vua Mông-cô con
cháu Tamerlan danh tiếng nhất
có những vị sau này :

Baber đệ lục thế tôn của Ta-
merlan đã mở rộng được ợ đồ
từ sông Amôn ở miền Trung Á
đến trung lưu sông Hằng-hà và
sau chet ở Agra. Con vua Baber
là vua Humayoun trước bị thua
nhưng sau lại thắng quân A-
pau hân và cướp hẳn được
quyền cai trị xứ Ấn-độ từ đây.

Con vua này là vua Akbarle
Grand đồng thời với vua Phi-
lippe II và Nữ hoàng Elisabeth
(1556-1603) là ông vua có công
nhất trong việc lập ra đế quốc

ĐỒ CHO ĐƯỢC

FOOR

MỤC BÚT MÁY TỐT NHẤT
Tổng phát hành: TAMDA & C.
72, Rue Wlad Hanot - 741-76-78
Điện-ly: Chi-Lợi 07 Hàng - 70
- MÀI-LINE HAIPHONG -

Mông-cổ ở Ấn-độ. Ông vua này rất giỏi lại có óc tự do về tôn giáo, có sách nói hoàng hậu là người theo đạo Thiên - chúa nhưng không chắc. Ông vua này đã xây nhiều thành trì còn lại ở Ấn-độ. Con ngài là vua Jehangir (1605-1627) cũng theo được chỉ của phụ hoàng và cũng có óc tự do về tôn giáo và dùng cho dân theo đạo Thiên chúa. Con vua này là vua Shah Jehan đã nổi lên chống lại vua cha để cướp ngôi và sau lại bị con là vua Aurangzeb tiếm vị. Vua này sau bị giam và chết ở Agra bảy năm sau khi mất ngôi vua (1627-1658). Rồi đến vua Aurangzeb làm vua gần nửa thế kỷ (1658-1707) vẫn theo đuổi một mục đích là chinh phục bán đảo De-khan nhưng không thành vì thế ông đã làm cho đế quốc Mông-cổ bị đổ nát.

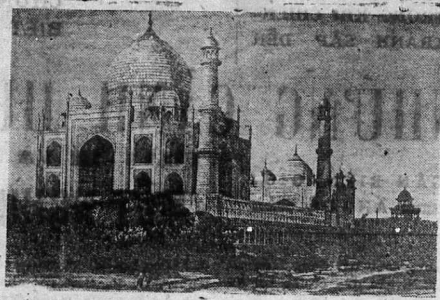
Các vị vua Mông-cổ này đều là những vị vua rất giỏi và suốt trong các đời vua đó, vẫn luôn luôn đánh nhau với quân A-phu-hân, quân của các vua chúa Ấn-độ và có khi lại đánh lẫn nhau trong họ giữa anh em và cha con. Tuy vậy các vua đó vẫn có thi giờ để xây dựng nên những công trình vĩ đại lưu về hậu thế. Delhi và Agra lần lượt là kinh đô của các vị vua đó.

Các đền đài, cổ tích ở Delhi hiện có :

Bức cổ thành rất cao xây bằng đá đỏ (grès) màu đỏ thẫm rất nhiều tron : xư. Ba mặt đều là thành cao ở cửa thì có xây pháo đài còn một mặt thì có sông Jumna. Trên mặt thành có những chòi canh rất khéo. Chính thành Delhi là nơi hồ 1857, quân Anh đã vây trong hơn ba tháng mới lấy được (17 Julia 1857 đến 20 Sept. 1857) trước hết quân Anh vào cửa Lahore.

Không những ở quanh thành này mà thời mà ở khắp Delhi, như ở Ridge, ngoài cửa Caech-mire, chỗ nào xưa kia cũng đã đầm đầm quân Anh.

Trong thành có ba lâu đài đều là những kỳ công của nghệ kiến



Đền và lăng Taj-Mahal, 1 m) [kết thúc] [bức ảnh] [trong] [nghệ] kiến trúc Ấn-độ

trúc Ấn-độ và của dân Maures, cả ba kỳ công này đều do vua Shah Jehan đã xây dựng nên. Ba lâu đài đó là Divan-i-Kas (điện tiếp khách riêng), điện thiết đặt Triều (Divan-i-Am) và đền toàn Ngạc (Moti-Mesjid).

Điện Divan-i-Kas là một lâu đài rộng lớn ba mặt hồ ở gần phía đông thành, nền xây ngay trên bờ sông Jumna cao hơn mặt nước độ 25 pieds (mỗi pieds là 0m32). Điện này dài 90 pieds và rộng 69, pieds cao 25 pieds. Có sáu hàng cột tròn và cột trụ bát giác đỡ lấy trần dựa vào những kèo hình vuông cùng theo lối kiến trúc maure. Ở hai đầu điện này có hai cái sân con cách xa điện với nhà tắm của nhà vua một bên và nhà tư thất một bên (zenana). Hai điện nhỏ này ở theo bề dài của điện Divan-i-Kas. Trước tư thất có một chiếc bình phong lớn bằng cẩm thạch chạm rồng để cho hoàng hậu và cung phi có thể ngồi trong nhà đó mà xem được các cuộc tiếp kiến của hoàng đế chỉ người ngoài trông vào thì không thấy.

Từ trần đến nền và cột đều bọc bằng cẩm thạch trên lát gạch hoa bằng vàng hay đá cứng ghép lại thành hình, những gạch lát này là của một người thợ kim hoàn rất khéo người Pháp tên là Antoine ở Bordeaux vì phạm tội trốn sang Ấn-độ làm ra. Ở giữa điện có một cái bể vuông

bằng cẩm -thạch trên đó đặt "ngai duôi công" là chỗ, nhà vua thường ngự (ngai này gọi thế vì ở lưng ngai có chạm đôi hai con công xò ra giáp lại với nhau. Chính ở đó là nơi xưa kia đã ban lệnh cho khắp các nước, trong xứ Ấn-độ. Ông vua Ấn-độ cuối cùng khi người Anh đến cũng ở trong điện này. Xét về toàn thể thì điện này là một công trình kiến trúc hoàn toàn của mỹ-thuật Ấn-Hồi (indo - mauresque) nhưng điện đó phải một điều hơi thắp.

Từ điện có cửa đi ra một cái chòi cao xây trên sông Jumna đứng đây có thể bao quát cả phong cảnh quanh miền đó.

Divan-i-Am đều xây bằng đá đỏ (hồng nghệ thạch; grès) và cũng một kiểu như điện trên, đó là nơi nhà vua thiết đại triều. Tại điện này nhiều công trình chạm trở da hư hỏng và hiện nay điện đó đã đổi làm nơi giải khát của quân Anh đóng trong pháo đài gần đây.

Sau cùng đến "tháp ngạc" (moti mesjid) xây trong một cái sân nhỏ xung quanh có tường cao. Tháp này có ba vòm, vòm giữa cao hơn, ở phía trước có ba cửa rất đẹp và có ba bậc xây đi từ sân lên tháp. Phía trong có hai hàng cột. Cả tháp này từ cửa đến sân, đến bậc lên, nền nhà và vòm tròn, đều

bằng một thứ cẩm thạch trắng toát trông rất cân-đối và mỹ-thuật.

Từ trong thành do cửa Ca-chemire đi ra lại có thể đến thăm một cái đền rất vĩ đại xây trên một nền lớn bằng hồng nghệ thạch. Phía trước đền cũng bằng đá đỏ nhưng có chạm bằng cẩm-thạch. Đền này trông có vẻ rất vĩ đại, cân đối và giản dị có thể sánh với điện Saint Pierre của giáo hoàng Borghese xây tại tòa Thánh ở La-mã, nhưng điện Saint Pierre còn lớn lao hơn nhiều.

Xung quanh thành Delhi là các lăng tẩm của các vua Mông-cổ ở Ấn-độ. Các lăng tẩm đó cũng rất vĩ đại và có giá trị về mỹ-thuật như các lăng tẩm ở Kinh đô Huế của ta. Các lăng tẩm đó đều xây trong khi vua còn sống và lúc sinh thời thì dùng làm cho tu học của hoàng gia hàng ngày. Trong các lăng tẩm đó, lăng vua Safdar Jung là đẹp hơn cả. Giữa cảnh đẹp đây những lăng tẩm đó, chiếc tháp Katab Minar, cao 240 pieds vượt lên giữa không-trung trời mạnh mẽ. Tháp có xây vào hồi 1200 đến 1220, hai tầng cuối cùng do vua Feroch Shah xây thêm hồi 1318 Các nhà khảo cổ đang tranh luận về gốc tích ngọn tháp này, chưa rõ hẳn là theo mỹ thuật của dân Hồi hay là của Ấn-độ.

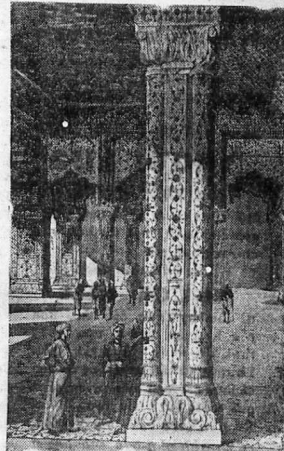
Lăng của vua Humayun đồng hồi với Charles Quint (1530 đến 1555) có vẻ hùng vĩ và gần dự hơn Chính lăng này là nơi trú ẩn của vị vua cuối cùng ở Delhi trong khi thành này bị quân Anh vây. Sau khi thành Delhi bị hạ thì vua đó bị bắt.

Một vài lăng còn nguyên vẹn nhưng phần nhiều đều sa vào cảnh hoang tàn cũng như cảnh bề thiên Bồ-thệ hiện nay.

Ngoài những đền đài và cổ tích đó, thành Delhi lại còn ghi

hiều dấu vết về thời kỳ danh liệt của dân Ấn và của đạo quân chinh phục Anh. Một nhà vào Ấu châu, bà tước de Hubner trong một cuốn sách nói về Ấn độ đã phê bình Delhi bằng câu sau này :

Delhi có vẻ xưa đã mạn, vừa văn minh lại vừa oanh liệt. Trước kia, đó là một chốn thành trì đã từng xây ra nhiều trận về vàng và nhiều việc âm mưu bí mật, đó là một đồng bằng đầy những máu của quân lính dùng làm bãi chiến trường qua các thế kỷ. Ngày nay Delhi chỉ



Phòng tiếp khách của các vua Mông-cổ ở Delhi (Divan-i-kas)

còn là tấm gương về phần chiếu rọi số phận của Ấn-độ.

Đền Vàng ở Amritsir và thành Agra

Amritsir hiện nay là một thành phố tối tân thuộc xứ Punjab. Trong thành này có rất nhiều đền "Sikh" một giống dân khá đông và rất mạnh ở Ấn-độ Ta có thể nói Amritsir là trung tâm điểm của giống "Sikh" một giống người mà

hiện nay người Anh rất cần để tuyển lính phải nhiều lính người "Sikh" rất cần dân và gan dạ nên người Anh rất cần xét đến nguyện vọng của giống người này.

Một kỳ quan ở Amritsir là "đền Vàng" gọi là "Darbar Sahib". Ai vào thăm đền này cũng như vào các đền đại Ấn-độ đều phải theo tục Ấn-độ rút giày từ ngoài cửa. Muốn vào đền Vàng phải qua một trong bốn chiếc cầu đi vào đền. Đền này dáng kiểu rất xinh đẹp trên có một cái vòm tròn lớn lợp bằng vàng (có sách mới là bằng đồng mạ vàng) sáng chói dưới ánh sáng mặt trời. Đền xây trên một hòn đảo nhỏ giữa một cái hồ. Tại đền quanh năm lúc nào cũng có rất nhiều người đến lễ bái một cách kính cẩn.

Đền Vàng do vua Rangit Sing (1750—1839) một ông vua người giống Sikh trước giữ chức Tổng trấn thành Lahore dưới quyền vua A-phu-hân nhưng sau hợp đồng đồng chủng thành một đội hùng binh (Khalsas) để giải phóng cho nước nhà lập thành một nước lớn và làm vua. Lúc sinh thời, vua Rangit Sing vẫn là đồng-minh của Anh nhưng sau khi nhà vua chết thì trong gia đình xảy ra sự bất hòa và sự xung đột với người Anh, vì thế nên nước "Sikh" mới bị sáp nhập vào thuộc địa Anh ở Ấn-độ.

Những lâu đài và cổ tích ở Lahore và Amritsir đã cho khách du lịch ngoại quốc thấy rõ cái tinh thần hùng dũng của giống người "Sikh" một giống người hiện rất có địa vị ở Ấn-độ.

Còn ở Agra là kinh đô thời hai của đế quốc Mông-cổ thì Ấn-độ hiện nay cũng vẫn có những đền đài và cổ tích. Những lâu đài và lăng tẩm ở Delhi vì cũng là do các vua

Móng-cổ xây nên. Đẹp và hùng vĩ nhất đến Tah Mahal một kỳ công trong nghệ kiến trúc Ấn-độ. Đền này do vua Shah Jehan xây nên để tặng hoàng hậu Mumtaz-i Mahal. Đền toàn bằng đá cẩm thạch trắng cũng có vòm tròn hình hai phần ba một khối tròn, trông như một quả khí cầu đang bay lên không. Cách Agra sáu dặm, cũng có nhiều lăng tẩm của các vua Mông-cổ, đẹp và hùng vĩ nhất là lăng vua Akbar, có bốn tầng do vua Shah Jehan xây lại toàn bằng hồng ngọc thạch.

Trong thành Agra cũng có những lâu đài và đền tháp như trong thành Delhi đã nói trên. Tất cả những đền, đài, thành trì trên này đã cho ta biết rằng

dân Ấn-độ đã từng có một nền văn minh rất rực rỡ ở Đông-phương, đó là di tích của bao nhiêu đời vua đã từng cai trị Ấn-độ.

HỒNG-LAM

Ký sau: BÀ LA NẠI VÀ SÔNG HỒNG HÀ CỬA LÊN THIÊN-DƯƠNG CỦA NGƯỜI ẨM-ĐỘ

HOA MAIPHONG



Gió lạnh mưa bay, bạn đang thẩn thục với nỗi đau thương, chầm Violette sẽ an ủi bạn trong những ngày buồn thăm 7, nàng Quạt — Hươu

Lờ, ngựa

kháp người uống Trư Sang Tiễn Độc Op25; nĩa dưới người uống Thấp-Nhiệt Phá-Lở Op40; Bệnh kinh niên và nặng uống Đại-Bồ-Huyết Bạt-Độc-Thang Sp50; Thuốc bồi Lữ Tráng Op20; Thuốc Tâm Sóng Op30.

Thuốc uống trẻ con
Cam-Thanh-Độc Op20; (Từ 6, 7 tuổi trở lên uống được); Đại-Bồ-Huyết Bạt-Độc-Thang Sp50; Thuốc bồi Lữ Tráng Op20; Thuốc Tâm Sóng Op30. Ở xa mua thuốc gửi CR. và phải trả một phần ba tiền trước, ngân phiếu để: M. NGÔ-VI-VU, Việt-Lông 58 hàng Bè Hanoi nếu không, xin miễn gửi. Đại lý: Mai-Linh Hải-phong, Việt-Long Nam-định, Quang-Huy Hải-đương, Ich-Ti Ninh-bình, Thái-Lai Thanh-hoa, Sinh-Huy Vinh-Hương, Giang Hué, 21 Ha-Vân Hà-đông, M. Ngô-hoàn Hải Samnua.

PHÒNG CHỮA BỆNH ĐAU MẮT

Y-sỹ NGUYỄN-HIỆN-MÃO

Ngày nào cũng tiếp bệnh nhân tại NHÀ THƯƠNG NGỘ TRẠM 167, Bd. Henri d'Orléans Hanoi — Giấy số: 772

Chầy hội chùa Hương

Chùa Hương-Tích gần xa chảy hội, Biết bao người mong tới cảnh tiên! Ăn chay năm mộng cửa thiền, Nước Dương mong tưới lửa phiền từ đây.

Phật thường những ra tay lễ độ, Nước Cam-Lô (l) sẵn có từ lâu!!! Chế theo phương pháp nhiệm màu, HOA-KY RƯỢU CHÔI phải cầu đầu xa.

Khi sinh nở vừa sơ, vừa bóp, Huyết lưu thông, gân cốt giãn gân, Chèo non, vượt tuổi nhọc nhằn, Dừng qua quả thấy tinh thần thanh thoi!

Cảm công đức Như-Lai truyền bá, Chớp vài lời tuyên cáo quốc dân, HOA-KY RƯỢU CHÔI nên cần, Thuốc hay nước tiếng xa gần ngợi khen.

HUYỀN-KHÔNG HÒA-THƯỢNG kính bạch

(1) Nước Cam-Lô là Rượu Chôi Hoa-Ky ngày nay.

Lịch-sử báo-chi hoàn-cầu

VĂN-HỒ

(Tiếp theo)

IX. — Từ nghĩa chữ « gazette » đến chuyện những nhà báo bị chặt tay cắt lưỡi

Nói về nghề báo viết tay, người ta không thể quên không nói đến những tờ thông-cáo hay thông-tin mà dân-quốc Venise gửi cho các sứ-thần và phái-viên ở nước ngoài để họ biết rõ tình-hình trong nước.

Những tờ thông-tin ấy tên là Fogli d'avvisi tức là feuilles d'avis, nghĩa là tờ cáo-thị, có thể cho là cái hồn của những tờ Nhật-báo (Acta diurna) thời cổ La-mã, còn sót lại sau này. Song những tờ thông-lin không truyền-bà ra được mạnh bằng tờ Acta ngày trước.

Trong bộ sách « Bách-khoa phương-pháp », khi nói về chữ « gazette », văn-hào Voltaire viết rằng :

« Hồi đầu thập-thất thế-kỷ, khi nước Ý còn là nơi trung-tâm-diêm cho các cuộc điều-đinh ở châu Âu, và xứ Venise vẫn là nơi trú ẩn của chữ tự-do, tại Venise đã đặt ra cái phương-thức hữu ích đó (tức là tờ gazette). Những tờ báo ra mỗi tuần lễ một kỳ đó, người ta gọi là gazette, do chữ gazetta là một thứ tiền nhỏ giá trị bằng nửa xu của ta, hồi ấy tiền ở Venise ».

Nhà bác-học trú-danh người Anh tên là Chalmers (1759-1834) nói rõ rằng tờ công-báo đầu tiên của châu Âu mới, ra đời năm 1536. Nghĩa là tờ báo ở Venise không ra đời hồi đầu thập thối thế-kỷ như lời văn-hào Voltaire mà ra đời từ đầu thập lục thế-kỷ.

Nhà bác-học Anh lại nói thêm rằng : « Vì sự an nguy của Thập-chức (chính phủ Venise) nên các nhà biên-tập bắt buộc phải phát-hành báo ấy viết tay ».

Theo nhiều tác-giả khác, thì tờ báo đó lại chính là tờ báo của chánh-phủ Venise cho ra để chiến-tranh với Thổ-nhĩ-kỳ, cốt cho quốc dân biết rõ các tin tức. Nhà thi nói chính-phủ sai đọc tại các công-trường những tin tức ở mặt trận cho dân chúng nghe. Nhà thi nói

những tờ thông-cáo đó chính-phủ để tại một nơi, ai muốn đọc, muốn nghe, hay muốn mua thì trả một đồng tiền nhỏ gọi là đồng gazetta. Tác-giả tập « Essai sur la presse périodique des deux mondes » (lược khảo về báo-chi (án cụn thế-giới) là M. Eugène Hatin, thì viết thế này :

« Có một vài người lại muốn cho rằng chữ gazette là gốc từ tên một con chim hay hót, là con chim hi-lhước (tức là con chim khách ở ta) tiếng Ý gọi là chim gazza.

Nói như vậy, có lẽ cũng lý-thú hơn. Nhiều nhà khác lại cho rằng chữ gazette gốc từ một chữ hébreu biến chuyển là izgard nghĩa là truyền tin. »

Nhà bác-học chuyên rghiên-cứu về văn-hóa phương Đông, là M. Garcin de Tassy thì cho rằng chữ gazette là một từ-ngữ Ấn-độ Ba-tư, và gốc từ chữ kâgâ hay kâgiz nghĩa là giấy và ngay trong tiếng Pháp cũng thường dùng theo nghĩa là nhật-báo hay bài đăng báo.

Theo Tự-diễn của viện Hán-lâm Pháp-quốc bản in năm 1672, thì journal là tờ báo ra mỗi tháng một kỳ, gazette là tờ báo ra mấy kỳ trong một tuần lễ.

Cuối năm 1789, văn-hào Mallet du Pars giải thích như thế này :

« Trong tờ gazette, người ta lược lại các điều người ta hay biết, không có thì giờ phê-bình là dở hay hay. Tờ journal thì khác hẳn : viên biên-lập có một tuần lễ để suy nghĩ. Gazette là một tờ báo « nói » vào tình hiêu-kỳ của công chúng và chỉ cốt nuôi lấy tính kỷ ; trái lại tờ journal thì làm thỏa tình hiêu-kỳ của người có học ».

Theo những tài-liệu trái ngược ở trên, thì khó lòng biết rõ được chữ gazette gốc từ đâu ra, và tờ thông-cáo cổ ở Venise vì sao lại gọi là gazette. Duy có một điều xác-thực mà người ta biết là những tờ thông-cáo (Fogli d'avvisi) là những bản công-bố chính-thức của chánh-phủ Venise.

Trong cuốn « Essai sur la presse périodique des deux mondes » của ông E. Hatin, có lục những điều sau này, do M. Giuseppe Valentini bảo-thủ-viên ở thủ-thư-cung Saint Marc tại Venise, biên-cáo cho tác-giả.

« Điều chắc chắn là trước hồi phát-minh ra máy in nhiều, song người ta không biết chắc là thời nào — nguyên nhân nghị viện Venise sai theo những bản thông-cáo sơ-lược về các việc xảy ra trong thành phố và trong nước, thêm vào những điều báo-cáo của các hải-quan, các quận-thủ, các giáo-trưởng, các quân-công, các cao đẳng pháp-viện, các tướng soái, các sứ-thần, các lãnh-sư-quan v.v., Những bản thông-cáo đó chuyển đạt cho các nhân-viên ngoại giao, ở ngoài nước để họ hiểu rõ những cuộc điều-dinh định liên đến các việc quốc-lí. Những bản thông-cáo ấy gọi là Foglietti (là tờ giấy nhỏ) hay Fogli d'avvisi (những bản thông cáo).

« Sau này, không biết dùng hồi nào, sau khi những tờ ấy ra đời rất lâu, người ta sao những tờ ấy cho các tư nhân xem, và cuộc phát báo đó sản ra một đoàn người chuyên việc sao chép, người ta gọi là scrittori d'avvisi.

« Song, tôi cho cần dự-luận nói rằng những tờ thông-cáo ấy bản cho công-chúng theo giá mỗi đồng gazetta một tờ là cái dự-luận không thể đúng vững được. Điều đó trái ngược hẳn với thái-độ đa nghi của chánh-phủ bấy giờ chỉ gắng-gượng phải cho các nhà qui-tộc, và không bao giờ cho phép đem ấn-hành. Những thông-

cáo đó bao giờ cũng thủ-lạ, cả sau khi phát-minh ra máy in và mãi cho tới khi dân-quốc Venise sắp đổ.

Ông Hatin lại nói thêm rằng :

« Thế là những bản thông-cáo đó chính-thực chỉ có tên là Fogli d'avvisi. Nếu quả những bản đó có tên là « gazetta » thì tên đó có từ đời nào ? Đồng ngữ « gazetta » dẫn tiền đức vào năm 1536, dùng vào năm mà nhiều nhà văn cho là năm sinh những tờ « gazettes » ở Venise. Chắc họ đã lẫn tên đồng xu với tên tờ báo, vì tờ báo ở Venise đầu tiên chính thế mang tên gazetta mãi đến năm 1760 mới xuất-hiện, tức là sau đó những hơn hai trăm năm. (Đó là tờ gazetta veneta hoặc nay vẫn xuất-bản và tiêu-đề là gazetta di venesia. Trên « măng-sét » tờ báo ấy có đề-giống chữ « sáng lập năm 1742 », như vậy tờ báo hơi già đi, không hiểu vì lẽ gì, lại có sự đó. Ngoài ra, tờ báo thứ nhất của nước Ý mang tên là gazetta là tờ gazetta di Parma ra đời năm 1738 và đình-bản năm 1929. Tờ gazetta veneta là tờ báo hằng ngày thứ nhất tại nước Ý vậy).

Hện nay tại Venise, nhiều thư-viện công và tư còn giữ được những tập Fogli d'avvisi, nhất là tại viện tàng cổ Correr tức là khách-sảnh Cluny. Đồ thư quán ở Saint Marc cũng có một tập những tờ thông-cáo đó ra từ năm 1595 đến năm 1597. Trong những tập đó, có nhiều việc vật mà các sử-gia bỏ qua, song cũng đáng cho người ta chú ý, nhất là nhiều sử-liệu đáng nguyên văn, như chẳng hạn bức thư của vua Henri viết ngày 12 novembre 1595, gửi cho giáo-hoàng Clement VIII, đề cảm tạ ngài về việc ngài đã làm phép rửa tội cho nhà vua.

Thấy những tờ Fogli d'avvisi được hoan-giận, và thấy công-chúng càng ngày càng ham biết tin tức, mấy nhà văn rầy ra ý nghĩ biên chép những tờ báo ra đúng thời hạn để bản cho công-chúng.

Cái ý nghĩ đó thực-hành trước tiên ở Venise rồi ở La-mã. Tại đó những nhà tân-văn được tự-do báo chí, vì chính-phủ và giáo-hoàng đối thây luôn.

Người ta chẳng hiểu những tờ báo đó bắt đầu ra đời đúng từ bao giờ, điều chắc chắn là những tờ báo đó ra đời trước năm 1671, vì năm ấy, giáo-hoàng Pie V, xét thấy có một vài điều tệ-lạm xảy ra liên tìm cách kiểm-cha các nhà tân-văn. Trong một tờ báo viết tay đề ngày 23 février 1671 ra đời ở Venise, có đoạn nói thế này :

« Giáo-hoàng mới hạ một đạo pháp chỉ cấm

các nhà tân-văn viết tin tức. Ngoài ra, ngài đã cho bắt bớ bốn nhà tân-văn và chắc ngài đã ra lệnh bắt mấy nhà ấy phải tội « chết treo ». Người ta nói vì họ đã viết những điều không hay ».

Lệnh cấm ấy hình như không có hiệu quả lắm thì phải, vì năm sau, chính đức Giáo-hoàng Pie V lại phải ra lệnh trừng-giới nghiêm-ngặt hơn. Ngày 22 Mars 1572, chính tờ báo Venise đã đăng tin trên, lại đăng theo một bức thư ở La-mã gửi về, như thế này : « Ngày thứ hai, có họp một Hội-dồng tại tòa Thánh ; trước Hội-dồng đức Giáo-hoàng có mặt-sát các nhà tân-văn khá nhiều ; ngài nói thêm rằng họ viết nhiều điều dối trá rất li-mi. Việc đó không thể khoan-thứ được [Ngài hô-hào các hồng-y giáo-chủ đứng cho lưu-hành những tin tức như vậy ở trong giáo-hạt của mình ».

Ngày 17 Mars 1572, Giáo-hoàng lại ký một pháp-chỉ qui-dịnh nghề viết tin. Pháp chỉ đó có ghi trong các thực-lục riêng của Giáo-hoàng Pie V và Grégoire XIII. Theo pháp chỉ đó hề lo báo nào đăng tin mặt-sát Nhà-chung là bị cấm. Những nhà viết tin, những người chép tin, những người bán báo, tất cả những người giữ việc tờ báo, và cả những độc-giả thấy sự đối-ty vô-đạo của tờ báo mà không trình báo cho quan Tổng-đốc La-mã, đều có thể bị nghiêm-trị, từ tội tử-hình đến tịch-thu tài-sản.

Khí Giáo-hoàng Pie V viên-tịch các tân-văn-

HO LAO

Tôi có một phương thuốc ho lao của ông bà để lại. . . . Nay làm ra bán Mỗi vng giá 12p00.

M. Nguyễn - văn - Sáng

Cựu Hương-Gió làng Tân-Quới (Cần-Thơ)

Boile postale n° 10

...hai bài thơ xuân

Thanh-Liên chén nước ngày xuân
Trà ngon mong khắp quốc dân nên dâng
Thanh-Liên hương ngát nước chung
Ngày xuân nhấp giong cổ lòng lắng lắng
Danh-trà nức tiếng từ dân

THANH-LIÊN TỎ-LAN

Việt Nam để nhất danh trà

TRÀ THANH-LIÊN và TỎ-LAN, thơm ngon nhất nước.

tối trình bày mỹ-thuật loại no song ở xứ Hồng-dương

Chi điểm phát hành tại
Miền Nam Trung-kỳ và Nam-kỳ

Tổng-cục: TƯỞNG-LAI THƯƠNG-HỘI 58 hàng کا Hanoi

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

« Thanh-niên phải là chung cho cả nước, như chính-phủ này, chứ tịnh vô chăng có chuyện biệt-lập một đảng Thanh-niên nhà-nước ».

gia ở La-mã đã tưởng có hy-vọng được đề thọ hơn. Nhưng đức Giáo-hoàng mới là Grégoire XIII vẫn kế tiếp tôn chỉ của tiền-hoàng. Tháng Juillet năm 1572, ngài ra lệnh bắt giam ba bốn nhà tân-văn viết báo phản đối hay chế-giễu pháp-chỉ của Pie V. Hơn nữa, ngày 1er Septembre 1572, ngài ký một đạo pháp-dụ mới định tội những kẻ biên-ký một cách trái phép, những người phao, viết và chép bất cứ là tin giả dối hay tin xác-thực. Ngày ấy thật là ngày tồi tệ nhất trong lịch-sử báo-chỉ La-mã. Vì các nhà tân văn bị cấm không được đăng tải tin tức gì, nếu trái lệnh sẽ bị kết tội đem xuống thuyền thả đi đây.

Đức Giáo-hoàng Kế vị đức Grégoire XIII cũng chẳng khoan hồng gì hơn. Tháng novembre 1587, theo lệnh đức Giáo-hoàng Sixte-Quint viên tịch tay một bản tân-văn-giả là Annibale Capello bị tội chết treo, sau lưng có yết bằng kẻ tội trạng là người man-trá và vu-không. Trước khi chịu tử hình, Annibale Capello đã bị người ta chặt cụt tay phải là tay cầm bút chép tin và bị cắt mất lưỡi.

Tay binh luật đối với các nhà viết báo khắt khe như vậy, song tờ báo « La-mã » vẫn không bị bóp chết. Có lẽ là vì luật pháp dần dần ôn hòa hơn, hay có lẽ vì các nhà báo La-mã đã khôn khéo dùng mảnh khố để làm đẹp lòng pháp luật ?

Những tờ báo viết tay đó không có nhan đề nghĩa là không có tên gọi là báo gì, báo gì

Tỏ-Lan mỹ tự hồng-trà

Đem xuân thưởng thức mới là tri âm

Khiến đời p.ấn khổ; tình thân

Hương thơm quan tử riêng phần Tỏ-Lan

Hồng trà đất Việt danh vang!

Ba tác phẩm vừa in xong:

HOAN TRAI

Một thiên tình sử làm ly và thống thiết, một cuốn sách xã hội và gia-đình do cây bút THANH - CHUNG phác tả bằng tất cả những thực-trung, những cơ lệ, phước phúc trong tình trường. Sách in đẹp, đầy nét 200 trang

Giá 0p70

Hai người đàn bà

của BẢNG PHI

Một cuốn phim phổ diễn có tới những cái mâu thuẫn của « Hai người » đàn bà mới và cũ cùng sống trong một thế hệ. Một tác phẩm rất hay và rất yêu cầu của hết thảy mọi người

Giá 0p60

Một nhà bốn đàn-khò

của BẢNG TÂM

Nó là những tiếng than oán của một con tim đau khổ hay là một tâm hồn bất diệt của thanh yêu. Sách in rất mỹ thuật đầy 200 trang. Giá 0p70 - (cước phí mua mỗi quyển thêm 0p15)

NHÀ XUẤT - BẢN VĂN - HỒNG

Directeur : ĐỖ VĂN HỒNG

80, Route de Sinh - Từ - HANOI

như ngày nay. Tín tức thì viết tay một cách hấp tấp vội vàng, nhiều chữ viết tắt đến khó hiểu. Tuy vậy tờ báo cũng có ghi niên-hiệu, nơi phát-hành và tên người chủ-bút.

Nhiều thành phố khác cũng theo gương Venice và La-mã ra những tờ báo viết tay như vậy. Nhất là thành Gê-nơ và thành Milan. Báo ở Venice và Milan chú trọng về những tin tức từ đường bờ đưa vào, quan hệ về việc thương mại. Những tờ báo ở Venice lại đăng nhiều tin mới về miền Đông và đế quốc Đức. Những tờ ở Milan thì đăng nhiều tin về nội-chính nước Ý, còn những tờ ở La-mã thì rất rỗi rảnh về tin tức có dính-lu đến Nhà-chung. Đó là những tờ báo viết tay thực hiện, ra đúng kỳ đúng hạn, như báo chí ngày nay. Có điều lạ nhất là bấy giờ nước Ý là một nước rất hùng-thịnh về kỹ nghệ và riêng về kỹ nghệ ấn-loát, thế mà sao những tờ báo ấy vẫn cứ viết tay? Người ta bảo vì việc kiểm duyệt nghiêm khắc quá, và hình như những nhà tân-văn bấy giờ đã tính rằng in báo không lợi bằng viết tay lấy báo.

○

Nghe ấn-loát nhập cảng vào nước Nga rất chậm. Sau những tờ *Fogli d'avis* và những tờ báo viết tay của Ý, rất lâu, và trong khi tại nhiều nơi người ta đã có báo in rồi, tại giang sơn của Nga-hoàng, nghề báo viết tay vẫn phổ biến.

Tờ báo viết tay cổ nhất ở Nga là những tờ *Kouranty*, là những bản trích sao các báo chí ngoại quốc và những bản báo-cáo của các sứ thần. Những tờ này đều viết tay, do bộ Ngoại-vụ trông coi và dành riêng cho Nga-hoàng và cung Triều-thần đọc. Nghĩa là những tờ *Kouranty* là những tờ báo cơ-mật của Triều-đình, do các danh-sĩ coi việc biên-tập, như dưới triều Nga-hoàng Alexis Micalovitch, (1645 — 1676) bộ ngoại vụ bổ dụng viên y-khoa bác-sĩ kiêm triết-học là Henri Kellermann xung vào ghế chủ bút tờ báo đó.

(còn nữa)
VĂN HÓA

ĐÃ CÓ BÁN:

- 1-) LAO TỬ (triết - học đông phương) Op.80 của Ngô-tất Tố và Nguyễn-đức-Tĩnh
- 2-) MUÔN KHOẺ của Đào-văn Khang Op.69, sách giấy cách tập thể thao có ngót 100 hình vẽ.
- 3-) VIỆT NAM VĂN HỌC I Op.80 (Văn học đời Lý) của Ngô-tất-Tố
- 4-) VIỆT-NAM ĐƯỢC HỌC I Op.80
- 5-) VIỆT-NAM ĐƯỢC HỌC II Op.80 của Phó-đức-Thành

NHA IN MẠI-LĨNH XUẤT-BẢN

Muốn chóng nói giỏi và đúng tiếng Nhật, nên dùng quyển

MANUEL PRATIQUE
DE CONVERSATION
FRANÇAIS - JAPONAIS

của TRƯƠNG-ANH TỰ và SHIRO YORITA
Trợ của ông T. MASUDA chánh hội-trưởng
Hội những người Nhật và ông SHIMAMOTO
ở Phát-bộ quân sự Nhật.

Giá \$150. Cước thêm 6\$22

Thư và mandat gửi cho:
Imprimerie BAC-HA

55 — Rue de la Citadelle — Hanoi

KHI MỆT NƯỚC VÌ NGỒI LẦU
BI XA, THỨC ĐÊM, KÉM ĂN
MẤT HUYẾT

CỬU-LONG-HOÀN
Vỏ - đình - Dân

Tổng phát hành toàn xứ Bắc-kỳ
Ai Lao và miền Bắc Trung-kỳ
Établissements VẠN - HÓA

Có bán thuốc VẠN - BẢO
chữa bệnh liệt - dương. Thứ
cho đàn ông và đàn bà khác nhau

THỪ TÌM LONG-MẠCH CỦA TỜ BÁO TA

IV. Sự tấn tới trong mười năm nay.

Những người trẻ trung đọc quen mắt tờ báo quốc-ngữ bấy giờ, nếu có ai đưa xem một tờ báo xuất bản trong khoảng mười năm hai chục năm đầu thế-kỷ này, có lẽ họ phải ngỡ ngàng, cảm-tưởng như được thấy trước mắt một món cổ-vật, không phải từ đời Hồng-bàng Lạc-long, thì cũng là thời-dại Lê-mat Nguyễn-soi rồi đó.

Vẫn biết tờ báo xưa ta ngày nay chưa phải đã được hoàn-toàn tân-thiện gì, sánh với người ta, nhưng cứ sánh với các anh cả nó sinh đẻ mấy chục năm trên, em út có thể tự-hào rằng nó đã phương-trường ít nhiều và có vẻ cái quan sinh-sắc khá lắm.

Thật thế, những ai được chính mắt trông thấy, chính mình bước qua giữa chỗ hai khoảng phân cách nhau, tất phải nhìn nhận báo-giới ta gần đây đã sửa sang tấn tới nhiều.

Chúng tôi đã nói mười mấy năm nay mạch đất làng báo phát ở thanh-niên. Chính các bạn thanh-niên có học-thức mới, có óc làm việc mới, đã đưa tờ báo quốc-ngữ từ độ 1929, '30 đến giờ, bước đi một bước, bỏ xa dĩ-vang không ít.

Sự tấn tới cái quan được cả hai mặt tinh-thần và hình-thức, nhưng theo sở-kiến của tôi, có lẽ mặt tinh-thần trở hơn.

Trước hết là câu văn đã đổi mới.

Lúc trước văn-chương trên báo, phần nhiều còn giữ lối rườm rà, không được rõ ràng gãy gọn; chỉ cốt gò-lấy lời cho nhiều cho kêu để bày tỏ ý-tưởng rất ít. Lắm bài viết theo khuôn phép mạch lạc gần giống kinh-nghĩa văn-sách hồi xưa, hoặc chịn vang bóng của lối từ-chương ấy mà không tự biết. Hơi văn thường kéo dài một mạch từ trên xuống dưới, làm cho người đọc theo đuổi cũng đủ rồi trí như dầu. Nói gì đến cách phân đoạn chấm câu, thời thì lùm lùm cầu thả hết sức.

Chúng tôi còn nhớ mãi sau kỳ đại-chiến

1914-1918, trên báo hằng ngày ta, thường thấy những bài xã-thuyết, chữ nọ nối đuôi chữ kia, đặc hai cột báo, mà không có lấy một dấu chấm dứt câu, không có một đoạn xuống giòng.

Đến khoảng 29-30 trở đi, phong-trào văn mới văng lên sôi nổi. Các nhà viết báo viết sách đua nhau viết lối văn gãy gọn, rành mạch, từng câu từng đoạn ngắn ngắn, chuồng tư-tưởng hơn là đeo gót từ-chương, lại khéo pha cả giọng tây và điển mới, lâu-dần « nam-hóa » đi.

Ta nên trả cái của César lại cho César: xướng-suất lối văn mới trên báo chính là Hoàng-tích Chu, người bạn đáng tiếc.

Năm 1927, cùng ở Paris với nhau, tôi thấy anh Chu nghiệm báo *Quotidien*, là một trong mấy tờ báo viết hay và xếp đặt khéo nhất ở kinh-đô Pháp đương-thời. Nhiều hôm, để thưởng cặn tiền ăn, cũng phải bỏ ra năm xu mua tờ *Quotidien*, là vì anh nghiệm bài thời-bình mỗi ngày, ký tên Pierre Bertrand, chỉ viết mỗi câu một hai giòng, mỗi bài hơn nửa cột báo là nhiều, mà đặt chữ rất khéo, tư-tưởng chứa chan, rõ ràng, ai xem cũng phải lấy làm thích. Hoàng-quân thường nói với tôi:

— Mai sau chúng ta về nhà viết báo, phải cách-mạng văn-chương, đem dùng lối văn giòng một như thế này mới được.

Quả nhiên, hai năm sau trở về Hà-thành, bắt đầu chủ trương biên tập *Ngo-báo* rồi đến *Đông-lạp*, Hoàng-quân mạnh bạo thực-hành ngay lối viết văn mới như kiểu Bertrand, mặc ai yêu ghét khen chê. Lối văn ấy mạnh mẽ, gọn gàng, có một vẻ hay riêng, nhất là người đọc dễ hiểu và dễ kích-kích.

Người ta thấy hay, tự nhiên bắt chước, viết báo viết sách đều sửa theo lối văn mới cho được hợp thời. Cái lối dài giòng văn-

tự thuở xưa, không trống không kèn, đã được mai-tàng hàng xe tang hàng nhất.

Không mấy chốc, lối văn mới được nhập-tịch và thịnh-hành suốt cả Nam, Bắc.

Đồng thời, hình thức tờ báo cũng thay đổi, trình-diện với độc-giả một bề ngoài trang điểm sạch sẽ hơn.

Sự cải-quan ấy khởi từ Đỗ-Văn biết mua sắm chữ mới, máy mới, in và xếp đặt lối mới cho tờ *Ngo-báo* trước, rồi các báo khác vì lẽ cạnh tranh, cũng phải gắng gò làm theo. Không thể thì không thể sinh-tồn. Có báo phải chịu giá đắt, thuê nhà in tây để cho tờ báo đẹp mặt. Vì phần nhiều độc-giả ngày nay, mua một tờ báo, không cốt xem văn-chương tin tức mà thôi, lại đề ý đến vẻ xấu đẹp của nó nữa.

Về mặt tin tức, các báo đã biết ganh nhau từng giây phút sớm muộn, chịu khó lục lạo lấy tin, tốn kém chụp ảnh, cốt đem món ăn kiến văn tri thức cho độc-giả. Nhờ vậy mà nảy ra nhiều tay phóng-sự chuyên-môn có tài. Nếu đứng có chiến-tranh làm khan thiếu mọi bề, tôi chắc hiện thời xứ ta để có năm ba tờ báo ra đến tám trường, mười trường, đầy những hình ảnh thời-sự, tin tức nhanh chóng, theo dõi như người ta.

Về mặt tổ-chức và cách làm việc nhiều báo cũng sửa sang đứng đắn.

Còn về mặt tư-tướng, trong mười năm nay đã thấy có những báo tập-đoàn hay đảng-phái, đập đời ra đời.

Cả về phu-nữ, thể-thao, canh-nông, giáo, dục, cũng từng có báo cơ-quan xuất hiện dù chưa thật được mở mang, nhưng hẳn cũng có ảnh-hưởng nhiều ít.

Một điều nên nhận biết và lấy làm mừng, là trong phái du-học thành-tài trở về, đã có người sốt sắng làm báo viết báo quốc-ngữ. Ở các xứ khác, hàng ấy phải có trách nhiệm nhiều hơn chúng ta, để truyền-bá tri-thức và sở-học của họ cho đồng-bào cùng hưởng. Nhưng ở mình đây, phần đông hàng ấy lại coi tiếng mẹ đẻ làm thường, đến khi họ đặt bút viết ra mới thấy nó khó khăn, và mình bất lực. Thành ra sở-học của họ những gì, chỉ để làm của riêng,

không lợi dụng tờ báo ta làm xe truyền-bá được, nghĩ thật đáng tiếc. Ta nên mong mỗi rồi ra những người ấy phải biết viết báo quốc-ngữ cho nhiều.

Cải long-mạch làng báo ta chạy từ giữa thế-kỷ 19 đến giờ, đại-khai là thế. Nếu tính từ lúc bắt đầu có *Gia-dịnh công-báo*, thì trước sau ngót 80 năm. Nghĩa là hơn ba phần tư thế-kỷ. Với cái thời-gian đáng kể ấy, báo-giới ta đến trình-độ hiện tại, tiếng báo là tấn-tới khá-khàng, nhưng sự thật sánh với người ta còn chậm chạp thua kém nhiều lắm.

Tờ báo ta cần phải mỗi ngày sửa sang, mỗi ngày tấn tới mới theo kịp thiên-hạ. Đó là phần việc các bạn kẻ chân-những người hôm nay.

HẾT

QUÂN-CHI

Sách mới

Các bạn muốn có một người vợ đẹp hèn hậu, thủy mỹ. Các bạn muốn biết rõ một người đàn bà thế nào là đẹp xia đọc:

Luyện sắc đẹp

của Vương-lê-Dung nói rất tường tận về nhan sắc của đàn bà, cách tu sửa, cách giữ gìn lại có 40 bức tranh do nữ họa sĩ Hoàng-thị-Nại vẽ, có Nguyễn-thị-Bạch-Tuyệt nữ sinh trường Đồng-Khánh Hanoi biên diễn. Sách in rất đẹp giá 0\$70

Hầu hết các nơi đều có bán

Éditions BA-NGOC

67 Neyret Hanoi — Tél. 786

CÁC BÀ SANG TRỌNG KHEN

Phấn Murat

THƠM NHỆ NHUỖN DỄ DỜI

Lâu phai, đứng ngang hàng các hệu phấn danh tiếng ngoại quốc Có thứ hương, trắng và da người. Bán khắp nơi. 1 hộp 1\$20

MUA SỈ DO:

Etablissements VẠN - HÓA
số 8 phố Hàng Ngang, Hanoi

MỘT NGƯỜI VIỆT-NAM ĐÃ LẬP RA THƯƠNG - CẢNG

Bước sang đầu thế kỷ 20, tàu buôn của tây phương thường hay lui tới các cửa biển nước ta và yêu-cầu triều đình Huế mở cửa thông thương. Vua Tự-Đức kiểm cách từ chối nhiều lần, nhưng sau dần cũng bắt buộc phải mở cửa bờ cho nước ngoài thông thương vậy.

Về việc ngoại giao đã xảy ra nhiều sự rắc rối như vậy, mà ở Bắc-kỳ lúc bấy giờ các cuộc phản nghịch lại nổi lên khắp chỗ. Thêm vào đó, cái nạn nước lũ, các đê điều hàng năm đều bị phá vỡ, đồng ruộng làng mạc đều bị chìm đắm dưới làn nước bạc, bao nhiêu cảnh tượng đổ dồn đặt lại về thành một bức tranh cát-cử trong tâm dân quê.

Riêng vùng Hải-dương, Quảng-yên, Đông-triêu là những nơi nhiều rừng rậm rạp, địa thế liên tiếp với biên giới Trung-hoa, bọn giặc khách hàng ngày tràn sang tàn phá lương dân, nhiều làng ấp ở vùng ấy phải tiêu tán di nơi khác.

Triều đình lấy các việc đó làm lo. Vua Tự-Đức hạ chỉ cho đình thần chọn một vị quan có danh vọng, đủ tài kinh luân, có thể đối phó được với hời cuộc tiến cử lên để chuẩn phê bỏ ra lĩnh chức Tổng-đốc Hải-an (Hải-dương Quảng-yên).

Cụ Phạm-phú-Thứ người Quảng-nam, một tay khoa bảng, từng đã lĩnh nhiều chức trọng yếu trong triều ngoài quận, lại mới được cử làm phó sứ trong sứ bộ qua Pháp thương thuyết việc cha mẹ ba tỉnh Nam-kỳ vừa bị thất-tha, thật là một vị trọng thần có danh vọng, có công lao, xứng đáng là một người của thời cuộc vậy.

Bởi vậy sau khi vua Tự-Đức ban chiếu xuống, đình thần đều đồng thanh cử cụ lĩnh chức Hải-an Tổng-đốc. Nhà vua bằng lòng, triệu cụ Phạm-phú-Thứ vào triều để giao cho trọng trách: năm đó là niên hiệu Tự-Đức thứ 27, tức năm 1874 của Tây-lịch.

Trước khi đi cung chức, cụ Phạm xin phép về quê, nghỉ dưỡng bệnh sáu ngày, vua Tự-Đức tức lòng quyền chức, thưởng cho 20 nén bạc và hạ chiếu dụ lại.

Sau khi trở lại Kinh đô lên đường đi nhận chức mới, cụ Phạm vào bộ kiến, dâng sớ nói

HAIPHONG

với

hai bàn tay trắng và một khối óc

Muốn khỏi mang tiếng bội bạc với danh nhân nước nhà, các nhà đương-cục cần phải bỏ-khuyết vào chỗ đó

Hải-dương, Quảng-yên là hai trọng trấn ở biên cương, giặc cướp nhiều, việc cai trị khó khăn, xin cho Ông-ích Khiêm là người có tài thao lược, đi theo giúp việc.

Vua Tự-Đức xem sớ xong, chán phê cho Ông-ích-Khiêm được tùy quyền quan Tồi-giốc Hải-Yên bổ dụng, ăn cần dân dò cụ Phạm về các công việc nhất là việc lập sở thương-chánh và việc mở cửa Ninh-hải cho tàu bè ngoại quốc ra vào thông thương. Trước khi lên đường, vua Tự-Đức có tặng cụ Phạm một bài thơ đường-luật, bắt phải họa lại, cùng tặng cho hai ngân sách Kim-cương và chè Bích-loa, là những bảo-vật mà sớ bộ ta đi sứ bên Tàu mới mua về cung tiến nhà vua.

Bài thơ của vua Tự-Đức tặng cụ Phạm như sau này:

Lưu hầu trọng mạo cụ khôi ngô

留侯貌貌魁梧

Ba ngã Hoài Dương bệnh bất du

巴 駁 懷 陽 病 不 瘳

Tu, ăn dùng chur thương nhiều quốc phú

汝 食 昌 商 商 饒 國 富

Bằng tiêu quân đạo tỉnh quân nhu

平 消 軍 資 省 軍 需

Thanh văn tảo đạt ưu nhĩ học

青 雲 早 達 優 而 學

Bạch thủ không dâm, mạo tử nho

白 首 空 談 謬 自 謬

Đông hải hùng như tẩu tích

東 海 雄 如 奏 積

Bản tào trượng tán Quân-gi Ngô

版 趙 重 贊 管 吳 吾

DỊCH NƠM NHƯ SAU NÀY

Về người Trương-từ tiết khôi ngô!
Năm sông Hoải-dương mắc bệnh to,
Suối vọt ngỗ buồn giữa cửa nước,
Già tan lũ cướp đỡ lương kho.
Đường mây sớm rười, còn ham học,
Đầu bạc hàn sương, uống tiếu nho!
Nên được bề đồng tụng gió mành,
May trong bộ Hộ thấy Di-Ngô.

Khi cụ Phạm-phủ Thứ đón nhậm Hải-dương
vực trước nhất của cụ là thương thuyết với
quan Tuần-phủ Nguyễn-lãng-Đoàn để thi
hành ngay các chính sách «tiểu trừ đạo lạc» và
khẩn hoang phát triển» để cho nhân dân được
yên cư lạc nghiệp và rộng đường sinh nhai.

Năm thứ 31 niên hệu Tự-Đức, Lý đường-Tai
nổi lên làm loạn ở hạt Nam-sách và ở Cát-bà
có giặc khải quấy nhiễu, cụ Phạm sai để
đốc Lương-vân-Tiên đem quân ra các nơi đó
tiêu trừ. Khi trong hạt đã được yên, cụ Phạm
phát một số quân lưu trữ đi võ hoang, mở đồn
điền, rồi cụ lập án chiêu dân, chính sách «dĩ
bình vi võ» trong thời bình của cụ có kết
quả tốt và được vua Tự-Đức ban khen.

Nhưng sự nghiệp đáng chú ý nhất của cụ
trong khi làm Tổng đốc Hải-an là việc mở
mang của Ninh-hải.

Ninh-hải tức Hải-phong bây giờ ở trên ngã
ba sông Tam bạc và sông Cẩm, tiện đường
thủy đi về các ngã Nam-dịnh, Hanoi, Đáp-
đau, Phủ-lạng-thương, nên cụ quyết định
chọn nơi đó làm một thương cảng cho xứ
Bắc-kỳ.

Theo tài-liệu ở tạp chí Bulletin de la Société
des Etudes Orientales về năm 1874 tức là năm
cụ Phạm-phủ-Thứ được cử ra lĩnh chức
Tổng-dốc Hải-dương và cũng là năm Triều-
đinh Huế ký hiệp ước với nước Pháp được
quyền lập tòa lãnh sự ở Hải-phong thì thành
phố Hải-phong chỉ gồm có mấy làng đánh
cá rải rác trên bờ sông Cẩm, tuy nhiên chưa
có nhà cửa phố xá gì, mà chỉ lùm hồ ao.
Sau khi sang chức được mấy tháng, cụ Phạm-
phủ-Thứ cùng quan Tuần-phủ Nguyễn-lãng-
Đoàn do đường thủy từ Hải-dương xuống
kinh lý Hải-phong đã cho lập mấy cái đồn
lính để trông nom việc tuần phòng, nhà thương
chánh ở Hạ-lý để thu thuế các tàu bè qua lại
còn dinh Thương-bạc và các quan chức trong
sở đó đều ở tại phố Dinh tức phố Hải-dương
ngay nay. Cụ lại cho lập ở bến Rẽ — tức là
huyền-lý huyện An-dương bây giờ — một đồn-
tuần để trông nom việc tuần phòng và việc đánh
thuế các tàu thuyền ở Hải-phong ngược vào

các mặt sông Bắc-kỳ (vì khi trước các tàu
thuyền ở Hải-phòng đi Nam-dịnh, Hanoi đều
phải qua bến Rẽ, chứ không như bây giờ).

Sau đó, nước Pháp mới lập tòa lãnh sự, và
trại lính (chỉ có 100 lính coi việc tuần
phòng), dần dần các nhà buôn Pháp, Hoa và
Nam đến lập nghiệp, làm cho Hải-phong trở
nên một nơi buôn bán tấp nập.

Đến năm 1884, triều đình Huế ký hòa ước để
cho nước Pháp bảo hộ Trung Bắc-kỳ và
nương Manoi, Hải-phong làm đất nhượng địa
thì Hải-phòng đã bắt đầu trở nên một thương
cảng quan hệ rồi.

Cải công sang lập đầu tiên ra bến Ninh-hải
vực Hải-phong ngày nay, chính ta phải qui-
cụ cho cụ Phạm-phủ-Thứ. Các ông Jean Dupuis
Tessier du Cosquer, chỉ là những người đến
sau.

Sở dĩ sự nghiệp của cụ Phạm bị bỏ quên là vì
lúc ấy cụ có điều ác cảm với các viên lại h-sự
Ture và Kergaradec. Có lẽ lại ưu cáo cho cụ dùng
tàng bản Hoa-hương trong việc xuất cảng thóc
gạo, nên Triều-dinh Huế phải khiển trách
cụ Dương-Quách ra mở cuộc điều tra, triệu cụ
về Huế dâng sớ xưng chức Bình-bộ Tham-tri,
tuy Lê-Điền là người thay chân cụ, miễn tức
lại cụ xin triều đình Huế lưu cụ lại ít lâu để
chỉ dẫn cho quan công việc.

Sở sách còn đó để ghi chép công nghiệp cụ
Phạm-phủ-Thứ vậy mà thành phố Hải-phong
từ trước đến nay không làm một công việc gì
để kỷ niệm người sáng lập ra nó, ngay đến
một tấm bia làm thường, một cái bảng để tên
treo trên một đường phố, để lưu chắt kỷ niệm
cụ cụ đối với khách qua đường cũng không.
Chúng tôi mong các ông hãy biến thành phố
Hải-phong nên tìm cách bổ khuyết chỗ đó.

Ngoài cái công sáng lập ra Hải-phong, cụ
Phạm-phủ-Thứ còn làm nhiều việc đáng ghi
nhớ, như lập ra Chợ Gạo ở An-biến, Đổ sắn,
Đông-triều để cho nhân dân trong các vùng đó
có thể mua bán lúa gạo dễ dàng trong thời kỳ
đói kém và việc phát hành các sách Bắc vậy tìm
biên, Vạn quốc công pháp, Hàng hải kim
châm, Khai mới yếu pháp, Tổng chính đạo
quy bản thảo là những cuốn sách rất bổ ích
cho việc khai hóa và sinh kế của quốc dân vào
thời đó.

TÙNG-PHONG

AI CÒ BẢO GRINGOIRE, VU, VOILA CŨP

Muốn mua báo GRINGOIRE, VU, VOILA cũ,
trước năm 1940-1941. Viết thư hay đến M. Luyten
30, Henri d'Orléans sáng từ 9 đến 11, chiều từ 3
đến 6 giờ.



Đông Của dạy chồng

Hồng-Phong viết theo lời cô giáo Nguyễn-thị-Nh. kể lại
Chuyện thật một thiếu nữ làm lễ kết hôn với anh chồng dốt
nát mà sau cùng hóa thuyền chèo chèo làm nên danh phận)
(tiếp theo)

Bà mẹ nàng nhất định cản trở, không chịu:

— Thời đi có! Con mèo đã vô mất miếng
thịt quay, mình đang giăng lại không được,
lại còn tiền tiền cục mớ để mới nó xoi, sao
mà đại đột thế? Rồi nó giữ luôn cả có nữa,
thì làm thế nào? Tôi xin van ông, đừng
có nhẽ giữa búi gai mà ầm con đập vào, nghe!

Tổng phản-đối của bà cụ, chẳng qua như
gào giữa đồng trống; một việc chồng đã
quyết định, con đã nhận lời, mình bà đứng
về thiên-sở, có xoay đổi sự-thế khác hơn sao
được.

Giờ ta hãy để yên nàng Minh-Cầm với canh
khuya thồn thức; đã nàng có nung chín hai

đỗ, một khi câu được chi vợ giàu rồi tha bỏ
giở ngón đào khoét. Có kè, lúc biến nguyên-
hình chỉ là một thằng điếm đang vô lại,
nhưng kháo giả mạo danh nghĩa là ông nọ
ông kia để lừa dối và giắt được cái vật mục-
dịch phải lọt vào tròng. Thế mà nhiều nhà
giàu mẫn mẫn, vì hám cái hư-vĩnh kén được
rẻ «ông», con gái mình nhảy một bước
lên «bà». Có chữ phú rồi người ta cần thêm
chữ quý đi theo cho đủ vẻ. Không trách có
nhà làm như quàng tiền ra mua rẻ-đồng cho
mình, chồng sang cho con. Vì thế, bọn kia
càng dễ dãi eo gài bấy, làm cho lắm nhà có
con gái bị lừa một vô chắt định.

Những tưởng nhà mình chiến được rẻ ông,

con mình lại được
chồng danh-giá, có
thể vênh vang bành
diễn với đời. Ai ngờ
đến sau vẫn đã đồng
thuyền, lay đã những
chạm rồi mới ngã
ngửa ra chèo rẻ ông,
người chồng sang ấy
chỉ như một chú chèo
hát tuồng mà thi-nhân đã thích-thực bằng
hai câu này:

Mượn mần son phấn ông kia nọ,

Cờ lốt cần da chui dằm đang.

Ngoài Bắc mình thỉnh thoảng có một tấn
tuồng như thế diễn ra, nhưng không thường
thấy cho bằng trong Nam.

Miền Lục-tinh có những nhà đại-nông đại-
phủ ở tận trong đồng ruộng xa xôi, heo lánh,
quanh năm làm ăn sinh hoạt một cách biệt-
tịch, chất phác; đến mùa thì gặt lúa về chắt
vào kho vừa hàng trăm gia, hoặc bán ra lấy
tiền cất kỹ trong tủ nếu không chôn xuống
dưới đất. Để thường có người cần dãi tr đi
đầu xa, cũng không giao thiệp với ai khác

Tóm tắt những kỷ trước

Ông, bà Châu-hồng vừa gả chồng cho con
gái là cô Minh-cầm. Hai vợ chồng đưa nhau
đi Saigon. Chồng bị Đồn-hùng-Tin — một
giang-hồ cường-đạo — bắt đem xuống thuyền.

Nhưng còn một
cạnh nữa ở trong

tính-cách lạ lùng của Đồn-hùng-Tin, ta nên
nhân lúc này lật trái nó ra nót mà xem cho
biết chân-tướng con người, ngoài vỏ chính
là lực-làm mà bên trong hình như có cái
cốt biệt-khách. Và lại, chính cái cạnh ấy
có chiều-ứng lên lạc với câu chuyện đang
nói, chắc hẳn ai nấy đều nóng nảy muốn biết.

Xã-hội mình có một hạng thanh-niên
đường-đường sắc trai tuổi trẻ thế kia mà
không có chí tự-cường tiến-thu gì cả, suốt
ngày chỉ nhăm nhăm chạy theo sau quần đàn
bà, nhất là đàn bà có tiền của, để mong đào
mỏ vợ giàu, lấy chỗ sinh tồn cho được nhàn
hàng sung sướng.

Họ lấy họ mặt và mảnh bằng làm mối cảm-

hơn chung quanh khu-vực tự nhiên của mình; nếu trong chỗ bà con xóm giềng lại không có người học nhiều hoặc đi làm việc ở tỉnh-thành, tự nhiên về mặt hiểu biết việc đời của họ rất có hạn hạp.

Nhất-đán có kẻ mới lái miệng lưỡi uốn dẻo như cao-su, đưa đến trình-diện họ một anh chàng bảnh bao, trai trẻ, tự xưng đi du-học về, hoặc đang làm thông-phán com-mi tại sở kia nọ, đến nộp đơn xin làm giai-tế, trong mười phút là có thể tin chắc đến tám chín là ông cụ bà cụ dè dặt tiểu-thư về vấp lầy ngay.

Lại già hiền - danh là chứng bệnh vi-triêng ở trong máu não cũng có, chẳng nhiều thì ít. Không mấy người thật là sạch trơn, chẳng dính lấy tí máu ham chuộng danh - giá hảo huyền. Càng những người giàu có càng thích hư-danh nhiều hơn. Ta xem họ thường bỏ ra bạc vạn danh đồ, lấy một chút hư-danh không tiếc, nhưng bảo quyền vào việc nghĩa hay giúp đỡ kẻ nghèo đói ba đồng thì hay ngần ngại, hoài thối.

Nhất là mấy nhà phú-túc ở trong trường-hợp vừa nói trên kia càng nặng lòng kiêu-danh và dễ bị hư-danh dụ-hoặc, đánh lừa. Có một vài cô con gái đến thì, nay bỗng được người danh-gia đến cầu hôn, chẳng hăm dọa mà gả thì để làm gì. Tiền bạc có sẵn, nhưng danh-gia khó tìm; họ nghĩ như thế. Phận-sự cha mẹ lo phải nhân duyên hạnh phúc cho con, phải chụp rây lấy cơ-hội cho con có chồng tử tế sang trọng chứ sao? Muốn được thế, dù có phải bỏ ra bao nhiêu tiền của cũng chẳng quản ngại.

Những kẻ lập tâm đạo mô vợ giàu biết thóp như thế, cho nên thường hay dè dặt, đảo soát các miền Lục-lĩnh, xem chừng bặt nào xóm nào có nhà giàu, mà nhà giàu ấy có con gái đến tuổi hôn nhân, thì lập tức chúng đem

cải thân chải chuốt và miêng bả hu-danh đến thăm mồi.

Chúng có trăm phương ngàn kế để lán la tiếp cận mục-đích.

Trước hết gõ găm bộ cánh thật sang, có khi cho gọi lòng mảy mà thoa son điểm phấn y như con gái, tìm cách làm quen với ông chủ nhà. Tuy thế ông này số thiên thể nào, thì chúng đâu-co thể ấy. Ví dụ ông chỉ biết công việc đồng áng, chúng bừa theo nói chuyện cây cỏ và thời giá lúa gạo. Hay ông thích chơi gà, chúng nói chuyện chơi gà với ông. Những lúc nói lui đăm đạo, chúng khéo diềm vào ít nhiều cử chỉ ngôn ngữ để khoe mình có thể-lực thể này, danh vọng thể khác. Thế lực và danh-vọng ấy, ta phải nói cho công bằng, có khi chúng sẵn có đôi chút, nhưng đại-khải bằng hơi tiền, hơi đồ thì phóng-đại ra hơn quá百倍; có khi chúng giả-mạo những tiếng làm chức-vị tay trời mà chúng không hề có bao giờ. Ví dụ tự khoe mình bác là con ông cháu cha, nào là đồ văn-bằng này, có địa-vị cao ở sở nọ; chúng tự khoe một cách tào bạo, chẳng ngượng miệng hay sợ roi mặt nạ, vì chúng bụng nặng quanh đó không có ai nghi ngờ kiểm soát gì được. Con diều được gió, thả hồ bay bổng mãi lên.

Sau chúng có đồng-lõa thêm thật nói ra nói vào, đem hết tài nghệ quảng-cáo tung bốc, kỳ cho ông chủ nhà phải say mê, tâm phục. Một khi thấy ông uống liền thuốc mê khá đậm rồi, bấy giờ thở hơi nhân duyên mới lái, chắc chắn mười phần thành công. Chúng khéo đánh thuốc mê, đến nỗi có ông bực bực tự mình đề-ngợi ra ý muốn kén rể gả con, không đợi có mồi.

Nhà nào không có con trai, chỉ có một vài mụn con gái, thứ nhất là một, bọn kia đem

bỏ vào mạng nhện, mà cũng hy-vọng thành công dễ nhất. Trong Nam, về mặt tài sản hương-hộ, theo như luật tây, nghĩa là của cải cha mẹ để lại, dù con trai hay con gái cũng được hưởng phần chia đều nhau. Khi có một mình con gái, thì người con gái ấy hưởng hết. Vì thế, bọn chuyên môn đào mỏ vợ giàu thường xoắn lấy những nhà con một, để mai-hậu ông nhạc bà nhạc về trời, một tay thu-quát tất cả sản-nghiệp.

Có người đặt cho bọn này một cái tên nghe chất tai, gọi là tụi «bịp vợ».

Mười năm trở lại đây, nhờ các báo thường đem ra chỉ vạch, đã cảnh-tỉnh người ta về những biện-thuật quái lạ ở đời văn-minh, nên chỉ tại nạn «bịp vợ» gần đây hình như đỡ nhiều, nếu như chưa được trừ tuyệt. Không như thuở trước, tẩn tuồng vừa hài vừa bi này diễn ra gần như cơm bữa.

Ta đi đạo Lục-lĩnh, nếu chịu khó lắng tai hiểu kỹ và biết cách mơn man gợi chuyện, tất được nghe thiên-hạ kẻ lẽ bàn tán luôn: nào là một nghiệp-chủ nọ làm danh đã rước phải thăng rớt điếm đàng, mạo nhận làm thông-phán soát-phủ; nào là thiên-kim tiền-thư một nhà nọ vợ phải anh chồng bọm bãi, đến khi mặt-nạ lột xuống, nàng xấu hổ bực mình, lấy gọng nước Cừu-long máy mõ hồng-nhan bạc-mệnh.

Thật thế, có người biết mình bị lừa thì đã quá muộn, chỉ còn có cách phát điên hay tự tử. Cũng có người đánh ngệm lấy quả bòn-hòn mà chịu đắng suốt đời, không dám rí hơi, chỉ sợ lộ chuyện, thiên hạ chế cười mai mỉa.

Đơn-hùng-Tín coi tụi «bịp vợ» như kẻ thù bất cộng đới thiên. Bà vợ sinh ra đời làm thân một thằng con trai, sức dài vai rộng, có-nhiên phải lo nghề nghiệp làm ăn tử tế là tốt nhất; không thể, chẳng tha đi làm

lục-lâm, chịu lấy trách-nhiệm việc mình hành động và xông pha mọi sự nguy hiểm mà sống, thì nữa đi làm cu-li cu-leo cũng còn hơn. Theo ý va, kẻ cướp là kẻ cướp, thầy tu là thầy tu, đáng nào phân minh đáng ấy; nếu kẻ cướp khoác áo cà-sa để khuyến giáo và làm-dụng đức tin của thiên-bà, ấy là một việc gian dối không thể nào dung được. Hướng giả giả danh mạo tiếng để lấy con gái nhà giàu, va cho là một cử-chỉ để tiền, một tội ác khôn nạo, phạm là nam-nhi hèn-hèn không được phép làm.

Có lần, một tên bộ-bà thân yếu, tỏ ra hất dồng ý kiến với va về chỗ ấy:

— Anh nghĩ xem, thiên hạ đại độ! hám danh họ mắc, kệ thầy nhà họ; mình có vợ giàu, có nhiều tiền sai chẳng sung sướng khỏe mình hơn sao?

Nó vừa nói giết câu, liền bị một cái đá lăn quay hai vòng; rồi va kéo cổ ngồi dậy, điềm mặt va nói:

— Mày đến ăn cướp nhà họ, bắt quá họ chỉ mất một số tiền có chừng, chỉ buồn rầu tiếc của một lúc rồi quên đi. Nếu mày giả danh này khác để lấy cho được con gái họ, đó mày che đậy cách gì mà ngày một ngày hai không lộ nguyên-hình; chừng đó con họ đau khổ về tinh-thần, nhà họ buồn rầu hồi hận mãi có thể chết được người ta đấy, nghe không?

Rồi va nói học-học mặt mình:

— Những thằng khôn nạo, giả danh để bịp lấy vợ giàu, tào bạo chúng nó nên làm sao khôn trời vãi tở cho đờng gặp phải tay tao, nếu vô phúc chúng nó lọt vào bàn tay này thì tao van cổ chúng nó như vụn cổ con gà vậy.

Va vừa nói vừa chấp hai bàn tay lại với nhau, vận tréo một cái, nghe có tiếng kêu răng rắc, bởi những đốt xương ngón tay đồng thời bẻ gãy.

(còn nữa)
HỒNG-PHONG

HAI TÂM LÒNG SẦU

TÁC PHẨM

độc nhất vô nhị của nhà văn Nguyễn-phương-Chân tác-gia cuốn TRẮC TRỖI (đã hết). Một câu truyện ly-ký mới lạ diễn tả bằng một lối văn rất đẹp đẽ.
Gần 200 trang. Giá 0p80.

MỜI RA:

NỘI AN HẠN DÀI của Thâm-Tâm N.T.T. . . . 0p80
XẤU SÓ của Nguyễn-quê-Bảo 1,00
RỪNG NÚI VỀ CHIỀU của H.B. Nguyễn-Ân. 0,60
Thư mendi de A-CHAU xuất bản cục 17 Emile Nelly Hanoi.

Bà đã đến, Bà đã đi

ta không thể hiểu theo lối thường được, nhưng phải hiểu theo cái cách người ta vẫn hiểu Gide, Barrès, Proust, Morand, v. v...

Bài thơ «Mưa và hoa Khê-lôn» trên đây chính là đủ yếu tố tâm trạng một người đàn bà Nhật ở ngoại quốc.

Mưa đây không phải là mưa thật, nhưng là gia nước ở bên non bộ nhà hàng La Coupole đồ uống như mưa. Cảnh ấy đối với người Âu-châu và cả người Á-dông khác nữa có lẽ là thường, nhưng đối với con mắt bà Mori thì lạ lắm. Những hạt nước rơi xuống và rung rinh làm cho bà nghĩ ngay đến những cô geishas. Bà cúi đầu nghĩ ngợi miên man và thấy những giọt nước bỗng đứng im như những cái máy ảnh ngủ.

Trước mặt bà là cốc cà-phê. Hơi nước cà-phê bốc lên mắt kính bà ba lần rồi ba lần bà thấy những hạt nước đọng nhau như những bông xe có răng ăn khớp với nhau, số đây nhau. Sự đời cũng thế, sự tiếc nhớ và sự tự do cũng xô đẩy đuổi rồi nhau như thế!

Hạt nước bỗng tan ra, tư-tưởng bà cũng gãy tan. Bà cúi đầu xuống. Bà thấy cái bình đựng nước lẽ lẽ pha vào rượu khai vị để ở trên bàn cũng cúi đầu như bà, như vọng về Nhật-bản như như đất nước Phù-lang vậy.

Ồ! ừ đây, người ta hin quen biết bao, người ta ngồi trong một hàng cà-phê đông đúc, nhưng tiếc vì không phải là hàng cà-phê của nước Nhật nên sáu buồn biết bao.

Thời, Âu là ta bắt chước người xưa vậy. Người thủy-thủ của A'fred de Vigny cho thư vào trong chai thả ra bể, mặc cho giòng nước muốn đưa đi đâu thì đi. Bà cũng làm như vậy. Bà thả tư tưởng của bà ra. Bà-lé có người đi kể lại như biển rộng : ai hiểu được bà thì hiểu.

Chúng tôi không dám dịch nhiều những thiết tưởng với một bài thơ trên này các bạn cũng có thể hiểu tâm trạng bà, vẫn thì bà ra thế nào. Bà thực xứng đáng làm một Colette Á-dông và thực đáng được tôn làm một thi sĩ kiêm nữ-sĩ tiêu biểu cho cái tinh thần mới của nước Nhật mới ngày nay vậy.

NGUYỄN ĐOÀN-VƯƠNG

QUỐC TÂN THỜI!!! QUỐC TÂN THỜI

PHÚC - MỸ

Một nhà chuyên môn chế tạo ra những kiểu guốc lối mới rất đẹp và nhả, giá bán phải chăng. — Mưa buồn có giá riêng

Một hiệu giày có tin-nhiệm nhất Hà-thành về các thứ giày Tây, vì đã kinh-nghiệm lâu năm nên tư chế ra được những kiểu giày rất tinh xảo và hợp thời. Hàng tốt giá lại hạ, mới các ngài chiếu có sẽ được như ý. KINH CHỮ Ý! Từ nay thư từ và mandat xin gửi cho:

Mr. TRƯƠNG - QUANG - HUYNH
201, Rue du Coton — Hanoi

QUỐC - HỌC THU - XÁ

MỚI PHÁT HÀNH

Tâm-Nguyên-Từ-Điền

Tựa của nhà sư - phạm trú-danh

TRẦN-TRUNG-KIM và NGUYỄN-VĂN-NGỌC

Giấy thường (còn vài bộ) 2880

Giấy bouffant (còn vài bộ) 3,80

Giấy bouffant bìa vải (còn ba bộ) 6,00

Giấy bouffant bìa toàn lụa (còn vài bộ) 7,00

Giấy bouffant bìa toàn gấm (còn hai bộ) 10,00

(Loại sách giấy bouffant có chữ ký và lời đề tặng của tác-giả, các hàng sách không có bán).

Thư và ngân phiếu đề M. LÊ-VĂN-HOÀ Giám-đốc

QUỐC-HỌC THU-XÁ

15bis, Tien Tsin — Hanoi

Bốn môn thuốc bổ cần thiết cho Nam, phụ, lão, ấu, hàng ngày.

- 1) Thuốc Bổ-thận Đức phong 1\$50
- 2) Thuốc Đại-bổ Đức-phong 1,50
- 3) Thuốc Đại-khí Đức-phong 1,20
- 4) Thuốc Bổ-tỳ tiêu cam. . . 1,00

do nhà thuốc tưởng đồ

Đức-Phong

phát hành

Một hiệu thuốc tin-nhiệm, có bán buôn lán lẽ đồ thuốc bổ, thuốc bổ chế và các thứ sâm chính hiệu.

45, Phố Phúc-Kiến — Hanoi

Sách dạy làm các nghề

Như : Làm đồ gốm, sành, sứ, gạch, ngôi hoa, vôi, ciment, tráng các thứ men. Làm thủy-tinh như đúc gương soi, kính, ngòi bút viết, và đồ đồ dùng. Men vẽ tráng lên vàng bạc .. Tráng men lên hình chụp các mẫu, lên thủy-tinh. Tráng gương soi, gương điểm hoa, Làm các thứ ngọc giả bằng thủy-tinh, ngọc trai bằng thủy-tinh, chế tạo các phẩm (màu thuốc) khoáng-vật v.v. Đó là cuốn C1 c a bộ «CÔNG-NGHỆ TÙNG-THU». Có nhiều hình vẽ rõ, ai xem làm lấy được ngay. Giá 2\$30.

Cuốn dạy làm «41 nghề ít vốn» giá 3\$00

Dạy làm các nghề như : Làm giấy ló, xà-phòng, mực in, viết, kem đánh giấy, phấn thoa mặt, phấn đánh giấy, hương, trầm, đá bột lửa, v.v. Giá 3\$00 (tức là C.N.T.T. cuốn Za)

Cuốn dạy «30 nghề dễ làm» giá 2\$00

Dạy làm các nghề như Răm tây, bơ, sữa, pho-mát, làm nến (láp) thắp, miến song-thần, bánh kẹo v.v. (tức là C.N.T.T. B)

Cuốn dạy làm «Kim-khí cơ khí» giá 1\$00

Ở xa, gửi mua nếu mua cả một lượt thì được rẻ nhiều.

Thở, mandat gửi cho

NHẬT-NAM THU-QUÂN

19, Hàng Diêu — Hanoi

XUÂN NAY, BỊ NHIỀU, vì:

Ăn no với tấm ngô thường!!!

Cơm no với đã lên giởng ngủ ngay!

Dục tình dương lúc no xay!

Phóng-tích bệnh ầy, xưa nay bị nhiều!!!

Chỉ uống một liều, Thấy dễ chịu ngay.

Bao to 12 grs. 0\$55

Bao bé 6 grs. 0,30

Cai A-Phiên

Từ-thất - hức-Phan-Hoàn s1 46

Giá : nghiên nặng 4n. nhẹ 2p.

Sâm-nhưng tuyệt-cần A-phiên : Giá 1p50 — Thương-tuyệt-cần A-phiên : Giá 0p25.

Các cụ già lão hay người yếu đuối trước khi cai phải dùng thuốc bổ:

TIẾP-AM-HOÀN số 44 : Giá 1p20.

Ở xa mua thuốc gửi theo cách Linh-hóa giao-ngân và phải trả một phần ba tiền trước, nếu không, xin miễn gửi ngân-phieu tên M NGUYỄN-VI-VŨ, Việt-Long 58 hàng Bè Hanoi. Thư hồi bệnh kèm tem 0p06. Đại-lý : Mai-Linh Hải-phong, Việt-Long Nam-dinh, Ich Tri Ninh-binh. Quang-Huy Hải-dương, 21 Hà Văn Hà-dong, 26 Tam-Cờ Tuyên-quang, 1ấp-Tiến Camphaport, Quảng-ich Chợ-rá Bắc-kạn, Ngô-hành-Hai Samnua, Trần-gia-Thuy Ph -ly, Thái-Lai Thanh hóa, Sinh-Buy Vinh, Hương-Giang Huế, Mỹ-Liên Quy-nhon.

Cần thêm nhiều Đại-lý tại khắp Trung, Nam, Bắc-kỳ. Xin viết thư về thương-lượng.

BAN BA LA 1 BONG HOA THƠM TRONG

GIA - ĐÌNH

Vậy quý ba quý cô muốn lúc non bông hoa đỏ cũng được tươi thắm để bảo-đam cho hạnh-phúc gia-đình, thì nên dốt cho được

CRÈME MONA

Crème MONA là một thứ thuốc màu-nhiệm để làm cho quý bà quý cô tươi trẻ mãi mãi!

Crème MONA dùng rửa sạch sắc đẹp, có đặc-linh chữa được những nốt tàn-nhang, trứng cá v.v...

Tổng-phát-hành: Pharmacie Moderne 25, Francis Garnier Hanoi.

Đại-lý bán buôn: TAMDA et Cie 72, Rue Wiéle Hanoi.

Có trữ bán tại G.M.R. và các hiệu lớn



Thuốc ho gia-đình

đã có bán các hiệu thuốc lớn

Mỗi gói 0\$10

TỔNG PHÁT-HÀNH

Nhà thuốc

TUÊ - TINH

Cơ quan khảo cứu thuốc Nam

55, Rue Auvergne — Vinh

24, Hôdômadôir du Trung-Bac Tân-Van N°

Imprimé chez Trung-Bac Tân-van 36, Bd. Henri d'Orléans — Hanoi

Certifié officiel Emersion

Tirage à 1000

L'administrateur général : Ng. A. VUON